



EUROPEAN UNION

LIÊN MINH CHÂU ÂU



BỘ TƯ PHÁP
MINISTRY OF JUSTICE



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
LIÊN HỢP QUỐC - UNDP

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH

VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

THAM GIA TỔ TỤNG THÀNH CÔNG

Tài liệu tham khảo

2022





EUROPEAN UNION

LIÊN MINH CHÂU ÂU



BỘ TƯ PHÁP
MINISTRY OF JUSTICE



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
LIÊN HỢP QUỐC - UNDP

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THAM GIA TỔ TỤNG THÀNH CÔNG

MỤC LỤC

Phần A. Bối cảnh xây dựng tài liệu.....	3
1. Lời nói đầu.....	4
2. Mục đích xây dựng tài liệu.....	5
3. Bố cục của tài liệu	5
Phần B. Hướng dẫn xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....	7
<i>Mục 1. Khái quát một số nội dung về vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....</i>	<i>8</i>
1. Mục đích, ý nghĩa của việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng trong thành công.....	9
2. Tổ chức và người thực hiện việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....	12
3. Phạm vi, đối tượng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....	14
4. Các yếu tố làm nên vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....	18
<i>Mục 2. Hướng dẫn xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....</i>	<i>28</i>
1. Về các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....	29
2. Các bước xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....	44
<i>Mục 3. Hướng dẫn báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....</i>	<i>67</i>
Phần C. Một số khuyến nghị.....	79
1. Thuận lợi, khó khăn và giải pháp triển khai hiệu quả việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.....	80
2. Một vài vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công mang giá trị tham khảo.....	85

PHẦN A

BỐI CẢNH XÂY DỰNG TÀI LIỆU

1. Lời nói đầu

Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 thay thế Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006. Luật Trợ giúp pháp lý 2017 được ban hành đã tạo cơ sở pháp lý cho bước phát triển mới của công tác trợ giúp pháp lý theo hướng chuyên nghiệp hóa, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm người thuộc diện trợ giúp pháp lý được cung cấp dịch vụ pháp lý kịp thời, có chất lượng, tạo sự đồng bộ với khuôn khổ pháp luật hiện hành, góp phần đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và hội nhập quốc tế.

Nhằm nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, ngày 25/5/2021 Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2021/TT-BTP). Một trong những nội dung Thông tư này quy định là về vấn đề đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công và giao Bộ Tư pháp hướng dẫn về các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công. Triển khai nội dung này, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu xây dựng và ban hành các Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công (Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022) làm cơ sở để địa phương xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình quản lý, xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công, trong khuôn khổ dự án

Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam do Liên minh Châu Âu tài trợ (EU JULE), Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp phối hợp với Chương trình Phát triển Liên Hiệp quốc (UNDP) tổ chức biên soạn cuốn tài liệu “*Hướng dẫn xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công*”.

Do đây là một nội dung mới và thời gian nghiên cứu xây dựng ít nên tài liệu không tránh khỏi hạn chế nhất định. Rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý độc giả để tài liệu ngày càng hoàn thiện hơn.

2. Mục đích xây dựng tài liệu

Tài liệu này nhằm hướng dẫn cách thức tổ chức việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công theo quy định của pháp luật hiện hành, cũng như đưa ra một số khuyến nghị để thực hiện và sử dụng kết quả xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công một cách có hiệu quả. Đây là cuốn tài liệu mang tính tham khảo cho các cơ quan quản lý trợ giúp pháp lý ở trung ương và địa phương, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Ngoài ra, đây cũng có thể là tài liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, luật sư, luật gia, giảng viên và các cá nhân khác quan tâm đến vấn đề thành công của vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng.

3. Bố cục của tài liệu:

Cuốn tài liệu này có 03 phần:

Phần A. Bối cảnh xây dựng tài liệu

Phần này gồm:

1. Lời nói đầu
2. Mục đích xây dựng tài liệu
3. Bố cục của tài liệu

Phần B. Hướng dẫn xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

Phần này gồm:

1. Khái quát một số nội dung về vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.
2. Hướng dẫn xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.
3. Hướng dẫn báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.

Phần C: Một số khuyến nghị

Phần này gồm:

1. Thuận lợi, khó khăn và giải pháp triển khai hiệu quả việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.
2. Một vài vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công mang giá trị tham khảo.

PHẦN B.

**HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH
VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
THAM GIA TỔ TỤNG THÀNH CÔNG**

Mục 1

Khái quát một số nội dung về vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

1. Mục đích, ý nghĩa của việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

a. Định nghĩa vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

Thuật ngữ vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công được sử dụng lần đầu tại một số công văn hành chính của Cục Trợ giúp pháp lý và lần đầu tiên được quy định tại văn bản quy phạm là Thông tư số 03/2021/TT-BTP, có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2021. Tuy nhiên, các văn bản này chưa quy định cụ thể thế nào là vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.

Qua nghiên cứu và từ thực tiễn, có thể tóm lược vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công có các đặc điểm sau đây:

- Đáp ứng các đặc điểm của vụ việc trợ giúp pháp lý thông thường:
 - + Về nội dung: Vụ việc có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.
 - + Về người được trợ giúp pháp lý: Người được trợ giúp pháp lý phải thuộc một trong 14 diện người được trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 của Luật Trợ giúp pháp lý 2017.
 - + Về lĩnh vực: Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc các lĩnh vực pháp luật dân sự, hình sự, hành chính... nhưng không thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.
 - + Về tổ chức thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý: Vụ việc do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý (bao gồm tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý) thực hiện.
 - + Về người thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý: Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

+ Về quy trình thủ tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý: được thụ lý và thực hiện bởi tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý theo đúng quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

+ Hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý: Được lập và quản lý theo đúng quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

+ Mục tiêu của vụ việc: là bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật.

➤ Bên cạnh các đặc điểm của vụ việc trợ giúp pháp lý thông thường, các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công còn có các đặc điểm riêng, cụ thể:

+ Vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công phải là vụ việc trợ giúp pháp lý được xác định là kết thúc.

+ Đáp ứng nguyên tắc chung và các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công. Các tiêu chí này đánh giá kết quả cuối cùng của vụ việc trên cơ sở nguyên tắc chung là quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng chấp nhận một phần hoặc toàn bộ theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở quy định của pháp luật.

+ Được xác định bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

+ Kết quả xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công được thể hiện bằng văn bản và được lưu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý.

Như vậy, có thể hiểu vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công là những vụ việc tham gia tổ tụng kết thúc được xác định bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo những tiêu chí cụ thể nhằm giúp các tổ chức thực hiện trợ giúp

pháp lý đánh giá được hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc tổ chức mình thực hiện, góp phần giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý kịp thời đề ra các giải pháp, cơ chế, chính sách để bảo đảm chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

b) Mục đích, ý nghĩa của việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

- *Một là*, việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công nhằm có giải pháp bảo đảm và nâng cao chất lượng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý.

Thực hiện khoản 9 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP, thông qua việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng có thành công hay không, người thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp, Cục Trợ giúp pháp lý sẽ có các giải pháp để bảo đảm, nâng cao hiệu quả vụ việc trong phạm vi thẩm quyền.

- *Hai là*, việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công nhằm vinh danh, khích lệ đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện nhiều vụ việc trợ giúp pháp lý thành công. Đồng thời, tạo cơ hội trao đổi nghiên cứu, tham khảo nhằm tích lũy, trao đổi thêm kinh nghiệm thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý trong tổ tụng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý.

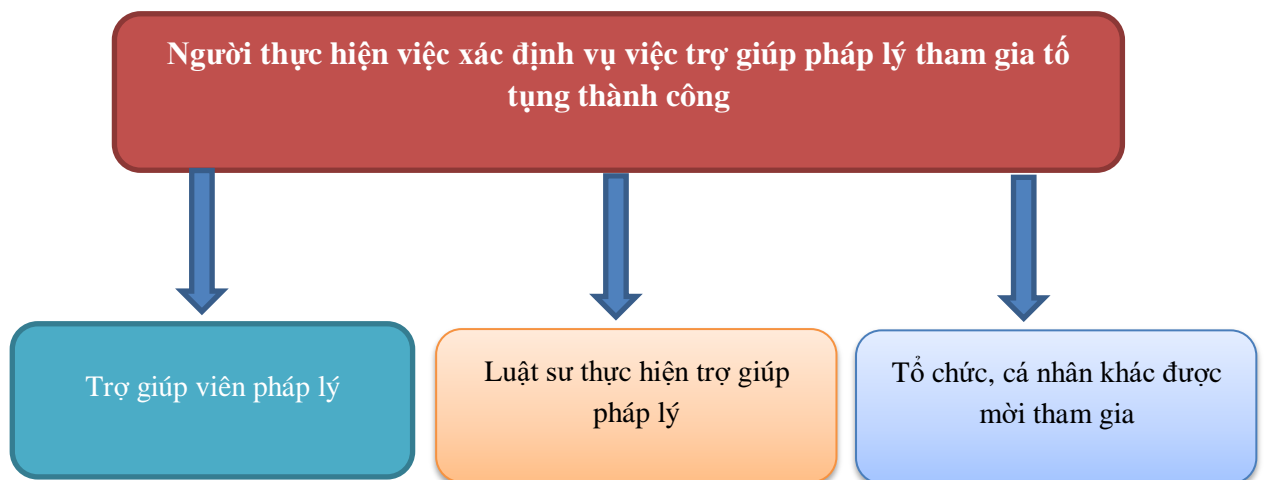
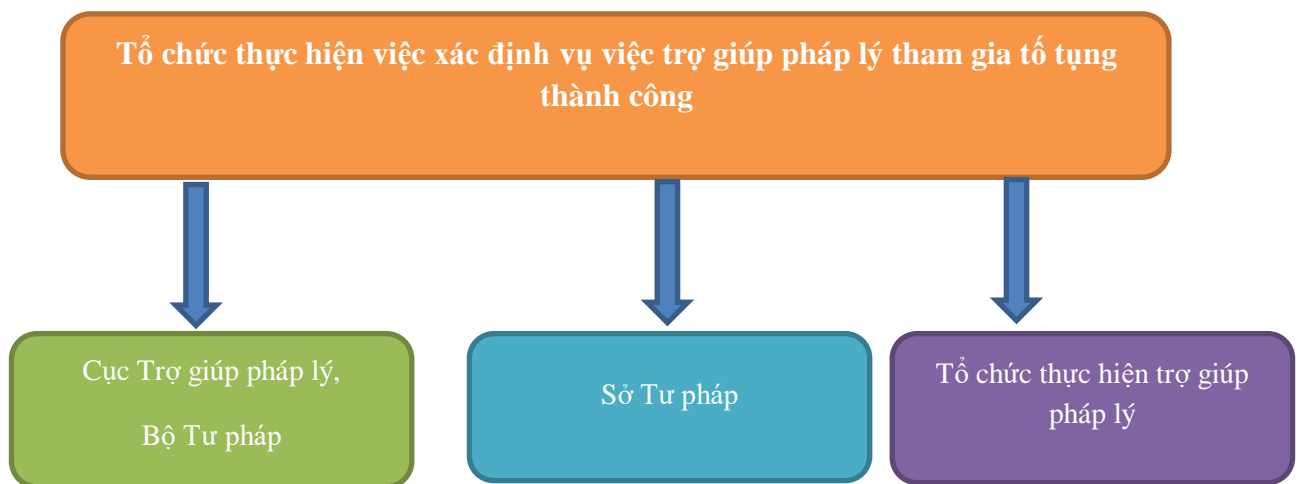
- *Ba là*, việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công nhằm giúp cơ quan có thẩm quyền đánh giá rà soát năng lực, kỹ năng của người thực hiện trợ giúp pháp lý, từ đó lên kế hoạch tăng cường đào tạo, tập huấn kỹ năng trợ giúp pháp lý cho phù hợp.

- *Bốn là*, qua việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công có thể lựa chọn những vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

Tài liệu tham khảo

mang tính điển hình, nổi trội để thực hiện truyền thông về hiệu quả của hoạt động trợ giúp pháp lý, qua đó nâng cao uy tín, vị trí, vai trò cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý trong xã hội.

2. Tổ chức và người thực hiện xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công



- Tổ chức thực hiện việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công:

Theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công bao gồm:

- + Cục Trợ giúp pháp lý – Bộ Tư pháp.
- + Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- + Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý (Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý).

- Người thực hiện việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công:

Hiện nay, không có quy định về người thực hiện việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.

Tuy nhiên, người thực hiện trợ giúp pháp lý trong các vụ việc tổ tụng hiện nay được quy định tại Luật Trợ giúp pháp lý và các Bộ luật, luật về tổ tụng, bao gồm:

- Trợ giúp viên pháp lý;
- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước;
- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

Để vụ việc tham gia tố tụng được xác định bảo đảm khách quan, đúng tiêu chí và phù hợp quy định của pháp luật, người thực hiện xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công phải là người có trình độ kiến thức, kinh nghiệm nghiệp vụ từ ngang bằng trở lên với người thực hiện trợ giúp pháp lý trong các vụ việc tố tụng. Do đó, người thực hiện việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công có thể là người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý nơi mình công tác (bao gồm Trợ giúp viên pháp lý; luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý) nhưng không phải là người thực hiện vụ việc được xác định hoặc người có trình độ tương đương được tổ chức, cơ quan có thẩm quyền xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công mời như:

- Các luật sư, chuyên gia pháp luật có kinh nghiệm tham gia đánh giá.
- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý làm việc tại các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trong cùng địa phương.
- Đại diện tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác.
- Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

Ngoài ra, khi cần thiết, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công cũng có thể mời thêm những người có liên quan khác tham gia như điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán... trong vụ việc được đưa ra để xác định.

Như vậy, người thực hiện xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công sẽ thực hiện việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công khi được phân công hoặc được mời tham gia.

3. Phạm vi, đối tượng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công

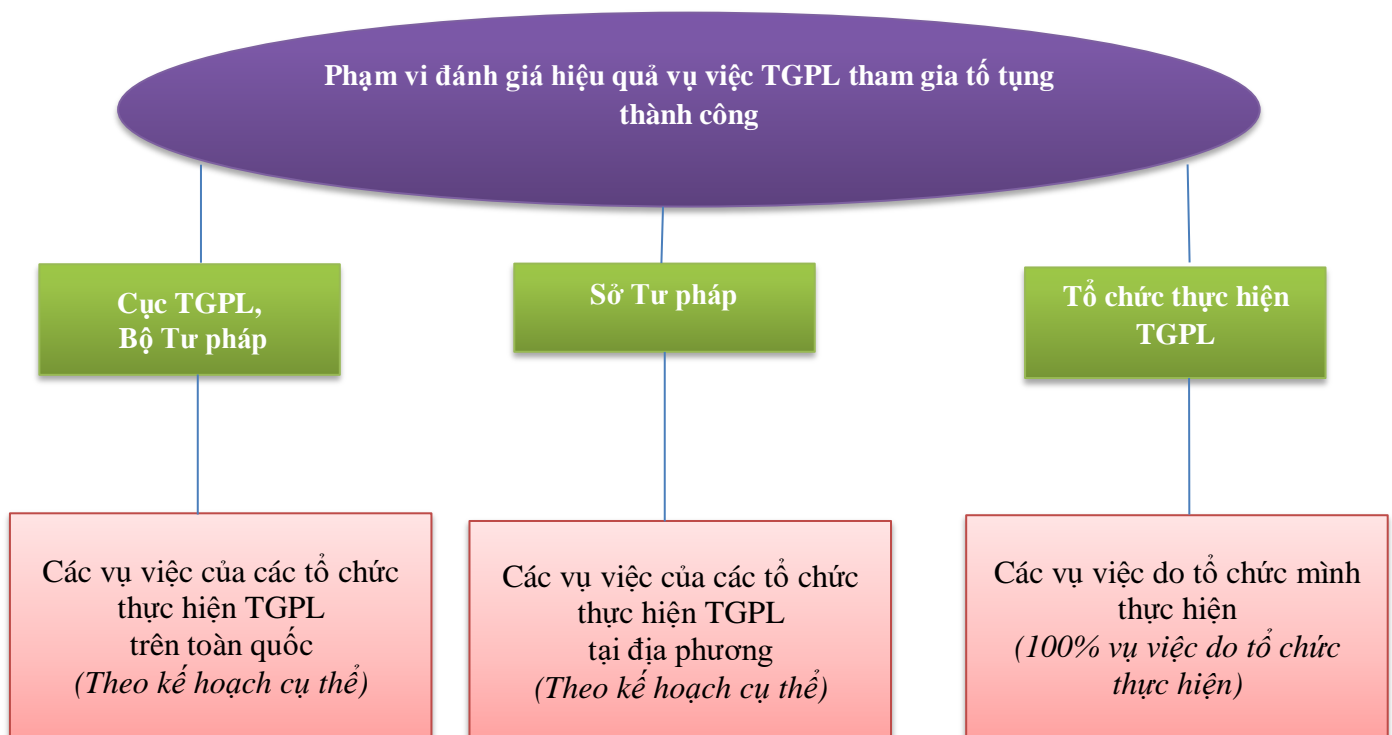
* Phạm vi xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công:

- Cục Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp có trách nhiệm thực hiện quản lý và tổ chức đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi toàn quốc.

- Sở Tư pháp có trách nhiệm quản lý và tổ chức đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi địa phương.

- Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm tổ chức đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng của tổ chức mình.

Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp sẽ đánh giá hiệu quả các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công, trong đó xác định phạm vi; tỷ lệ vụ việc; cách thức tiến hành đánh giá và các điều kiện cần thiết khác (nếu có).



* Đối tượng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công:

+ **Loại vụ việc thuộc đối tượng xác định:** Vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tổ tụng và được xác định là đã kết thúc. Theo Điều 10 Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 26/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý quy định vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Thực hiện xong yêu cầu hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý theo hình thức trợ giúp pháp lý thể hiện trong đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý.
- Thuộc một trong các trường hợp không tiếp tục thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật Trợ giúp pháp lý.
- Bị đình chỉ theo quy định của pháp luật.

+ **Lựa chọn vụ việc để xác định:**

Tùy thuộc vào thẩm quyền của cơ quan, tổ chức xác định mà vụ việc được xác định sẽ khác nhau, cụ thể theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP thì:

* *Đối với Cục Trợ giúp pháp lý:*

Cục Trợ giúp pháp lý thực hiện việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công dựa trên một trong các căn cứ sau đây¹:

- Vụ việc theo chương trình, kế hoạch đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý.
- Vụ việc do Cục Trợ giúp pháp lý nắm bắt được qua hoạt động theo dõi, kiểm tra hoạt động đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý của địa phương.

¹ Khoản 9 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP

- Vụ việc khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước và quản lý chuyên ngành về trợ giúp pháp lý.

** Đối với Sở Tư pháp:*

Sở Tư pháp thực hiện việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công dựa trên một trong các căn cứ sau đây²:

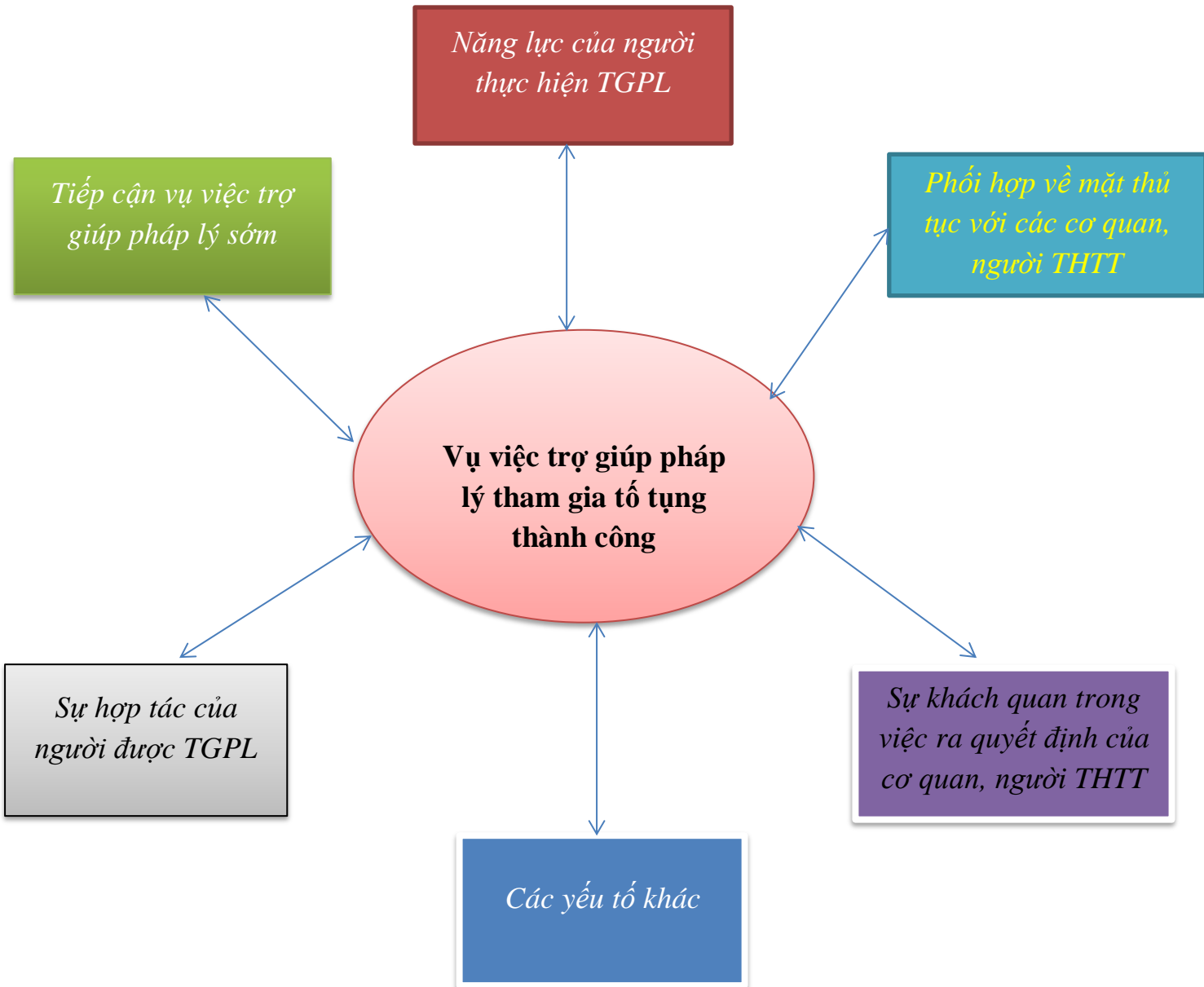
- Vụ việc theo chương trình, kế hoạch đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý.
Các vụ việc này có thể là tất cả cũng có thể là lựa chọn theo người thực hiện, theo lĩnh vực hay theo nhóm đối tượng được trợ giúp pháp lý.v.v.
- Vụ việc đã được tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đánh giá hiệu quả bị phản ánh, kiến nghị với Sở Tư pháp vì cho rằng vụ việc trợ giúp pháp lý chưa bảo đảm hiệu quả.
- Vụ việc khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý tại địa phương.

** Đối với các Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý:*

Các vụ việc mà tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện việc xác định có thành công hay không là tất cả các vụ việc tham gia tố tụng do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện đã kết thúc.

² Khoản 9 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP

4. Các yếu tố làm nên vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công



4.1. Tiếp cận vụ việc trợ giúp pháp lý sớm

Như đã nêu ở trên, vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công là các vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tổ tụng đã kết thúc và được đánh giá trên cơ sở các tiêu chí cụ thể để xác định vụ việc đó là thành công. Vì vậy, việc tiếp cận sớm các vụ việc trợ giúp pháp lý trong quá trình tổ tụng, nhất là giai đoạn đầu của quá trình tổ tụng là rất cần thiết, ảnh hưởng đáng kể tới tiến độ và chất lượng, hiệu quả của vụ việc. Đối với tổ tụng hình sự, thời điểm mới bị tạm giữ, tạm giam rất quan trọng và có tác động rất lớn đối với những người bị bắt giữ hoặc bị tạm giam, bởi đây là thời điểm họ sẽ bị hạn chế một số quyền như quyền đi lại, giao dịch, tiếp xúc, thông tin, liên lạc... và họ có thể cảm thấy hoang mang, lo lắng, bi quan, thậm chí là sợ hãi, hoảng loạn. Nhiều người trong số họ là trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người nghèo, người có trình độ thấp, hiểu biết pháp luật và kiến thức xã hội còn hạn chế... nên thường thiếu hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của mình, về các hệ quả pháp lý có thể gặp phải; không biết đề nghị các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không có nguồn lực tài chính để trả cho các dịch vụ hỗ trợ có thu phí; không biết cách xử lý vấn đề vướng mắc; không có khả năng tự đưa ra quyết định, nhiều người cho đó là số phận nên cam chịu hoặc từ chối sự trợ giúp pháp lý... Do đó, cần giúp họ sớm tiếp cận được dịch vụ trợ giúp pháp lý để được hỗ trợ kịp thời nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ, giúp họ bình tĩnh, tin tưởng vào công lý và được tiếp cận công bằng trước pháp luật.

Như vậy, giai đoạn đầu của quá trình tổ tụng có vai trò rất quan trọng đối với hiệu quả của vụ việc theo thủ tục tổ tụng. Nhiều trường hợp, việc tiếp cận sớm sẽ giúp hạn chế được hậu quả cho nạn nhân, thu thập được bằng chứng chính xác, quan trọng (nhất là các vụ hiếp dâm, bạo lực...). Vì vậy, việc tiếp cận trợ giúp pháp lý sớm và nhanh chóng cử người thực hiện trợ giúp pháp lý ngay từ

giai đoạn đầu là một trong những yếu tố quan trọng để góp phần cho việc xét xử công bằng, đúng pháp luật, bảo đảm nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

4.2. Năng lực của người thực hiện trợ giúp pháp lý

Người thực hiện trợ giúp pháp lý (Trợ giúp viên pháp lý, luật sư) với vai trò là người bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đối tượng được trợ giúp pháp lý là người bị tố giác, kiến nghị, bị can, bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người khởi kiện, người bị kiện trong các vụ án hình sự, dân sự, hành chính đã góp phần không nhỏ trong việc giải quyết vụ án, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng xác định sự thật khách quan của vụ án, làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, bảo đảm quyền lợi của người được trợ giúp pháp lý. Do đó, năng lực của người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng cần đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Có đạo đức nghề nghiệp

Đạo đức nghề nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng làm nên thành công của vụ việc trợ giúp pháp lý. Đạo đức nghề nghiệp của người thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm các quy định chung về đạo đức của bản thân người thực hiện trợ giúp pháp lý trong các mối quan hệ giữa người thực hiện trợ giúp pháp lý với người được trợ giúp pháp lý, với đồng nghiệp, với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Chính những mối quan hệ này tạo nên sự thành công của vụ việc trợ giúp pháp lý. Vì vậy, mỗi người thực hiện trợ giúp pháp lý phải ý thức được sứ mệnh của mình, biết giữ gìn phẩm chất và danh dự nghề nghiệp để tạo niềm tin và sự kính trọng từ người được trợ giúp pháp lý.

Để nâng cao trách nhiệm, đạo đức, uy tín nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp, gương mẫu của người thực hiện trợ giúp pháp lý, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý quy định các chuẩn mực về hành vi,

ứng xử của người thực hiện trợ giúp pháp lý (ban hành kèm theo Thông tư số 03/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tuân theo những quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý đã được quy định tại Thông tư này.

b. Có tư duy pháp lý tốt, kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm trong một hoặc một số lĩnh vực nhất định

Tư duy pháp lý là một yếu tố quan trọng của người học luật và cần thiết trong khi xử lý, giải quyết các vấn đề pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý. Tư duy pháp lý tốt sẽ giúp người thực hiện trợ giúp pháp lý có cái nhìn toàn diện và nắm bắt được các vấn đề pháp lý cần phải giải quyết. Kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực mình hành nghề, sử dụng thuần thục các biện pháp nghiệp vụ sẽ giúp người thực hiện trợ giúp pháp lý giải quyết vụ việc một cách nhanh chóng, hiệu quả. Một người thực hiện trợ giúp pháp lý chuyên nghiệp không phải là người có thể thực hành quá nhiều lĩnh vực nhưng không đi vào chuyên sâu mà là người tập trung phát triển và thực hành chuyên nghiệp tại lĩnh vực mà mình theo đuổi.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý không chỉ làm việc đơn thuần về chuyên môn, nhận câu hỏi, nghiên cứu pháp luật và đưa ra câu trả lời mà còn phải là người có cái nhìn toàn diện, hiểu biết về quá trình lập pháp, hiểu sâu sắc tại sao pháp luật lại quy định như vậy, có thể dự đoán được pháp luật sẽ thay đổi theo hướng nào. Ngoài ra cần phải có hiểu biết về xã hội, lịch sử, kinh tế, thị trường, đặc điểm ngành nghề, am hiểu về tâm lý của từng nhóm người được trợ giúp pháp lý (nhất là các nhóm dễ tổn thương như phụ nữ, trẻ em bị bạo hành, bạo lực, xâm hại...) để dự trù được những rủi ro có thể xảy ra cho người được trợ giúp pháp lý. Chính vì vậy, đây là một yếu tố quan trọng để làm nên một vụ việc trợ giúp pháp lý thành công.

c. Có kỹ năng viết lách, kỹ năng giao tiếp, thuyết phục và lập luận sắc bén, khả năng tranh luận tại phiên tòa

Kỹ năng viết lách là một trong các kỹ năng quan trọng của người thực hiện trợ giúp pháp lý cần phải có và nó ảnh hưởng rất lớn tới sự thành công của vụ việc trợ giúp pháp lý. Nội dung, hình thức của văn bản do người thực hiện trợ giúp pháp lý phát hành phần nào cũng đánh giá được tính chuyên nghiệp của người đó.

Bên cạnh đó, người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng cần phải có kỹ năng giao tiếp tốt bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, đặc biệt trong các vụ án có người dân tộc thiểu số không biết tiếng Việt... Kỹ năng giao tiếp thể hiện ở việc trình bày vấn đề một cách rõ ràng, mạch lạc, thái độ tự tin, bản lĩnh trong giao tiếp. Ngoài ra, kỹ năng tranh luận sắc bén là điều mà một người thực hiện trợ giúp pháp lý chuyên nghiệp cần phải có. Tranh luận là khả năng nắm bắt các vấn đề trong vận dụng quy định pháp luật vào tình huống vụ việc cụ thể của người được trợ giúp pháp lý, từ đó đưa ra luận điểm nhằm khẳng định hoặc bác bỏ một vấn đề nào đó. Đây là một kỹ năng quan trọng của người thực hiện trợ giúp pháp lý.

d. Đảm bảo số lượng, năng lực tham gia tổ tụng của trợ giúp viên pháp lý, luật sư

Tính đến hết năm 2021, cả nước có 666 Trợ giúp viên pháp lý; 663 Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý. Bên cạnh 63 Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, còn có 40 tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp, có 180 tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp (trong đó: 146 tổ chức hành nghề luật sư). Mặc dù số lượng trợ giúp viên pháp lý trên toàn quốc đã tăng nhưng so với nhu cầu về trợ giúp pháp lý của người dân ngày càng tăng trong thực tế thì số lượng người thực hiện trợ giúp pháp lý để tham gia tổ tụng như hiện nay còn ít. Đặc biệt, hiện nay ở một số địa phương số lượng trợ

giúp viên pháp lý có rất ít, điều này gây khó khăn không nhỏ cho hoạt động thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý trên địa bàn nhất là đối với các tỉnh miền núi như Lai Châu, Điện Biên... Vì vậy, việc đảm bảo số lượng Trợ giúp viên pháp lý, luật sư cần thiết để tham gia tố tụng, đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của người dân cũng là một yếu tố quan trọng để làm nên một vụ việc trợ giúp pháp lý thành công.

Bên cạnh đó, để tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý, hằng năm ở trung ương và địa phương đều tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng trợ giúp pháp lý trong tham gia tố tụng, đặc biệt là các kỹ năng chuyên sâu trong các lĩnh vực và các kỹ năng trợ giúp pháp lý cho các đối tượng trợ giúp pháp lý đặc thù như trẻ em, nạn nhân bị bạo lực, bị mua bán.v.v

4.3. Năng lực, sự hợp tác của người được trợ giúp pháp lý

Năng lực, sự hợp tác của người được trợ giúp pháp lý trong quá trình thực hiện vụ việc có vai trò quan trọng. Việc nhận thức pháp luật và cung cấp đầy đủ thông tin, giấy tờ về vụ việc của người được trợ giúp pháp lý sẽ giúp người thực hiện trợ giúp pháp lý có căn cứ, cơ sở để xác định nhanh, chính xác nội dung vụ việc để từ đó đưa ra giải pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tốt nhất cho người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở pháp luật.

4.4. Sự phối hợp của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong việc giới thiệu, thông tin, thông báo về trợ giúp pháp lý và về mặt thủ tục

Một trong những giải pháp giúp người được trợ giúp pháp lý sớm đó là tăng cường công tác phối hợp giữa Trung tâm với các cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về trợ giúp pháp lý và các tổ chức khác có liên quan. Chính từ hoạt động phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa Trung tâm và các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà số lượng vụ việc trợ giúp pháp lý

được các cơ quan tiến hành tố tụng thông tin, thông báo đến Trung tâm ngày càng cao. Đa số các cơ quan tiến hành tố tụng đã quan tâm, thực hiện việc giải thích, thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý theo quy định. Khi phát hiện có đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý đã thông báo cho Trung tâm để thực hiện xác minh, nếu đúng diện người được trợ giúp pháp lý thì cử trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư ký kết hợp đồng với Trung tâm tham gia bào chữa hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý.

Hiệu quả của phối hợp trong thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý còn thể hiện ở việc phối hợp, tạo điều kiện về mặt thủ tục trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý. Nhiều cơ quan tiến hành tố tụng đã tạo điều kiện để Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý thuận lợi theo đúng quy định.

Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 29/6/2018 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao đã có các quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng trong đó có quy định khuyến khích Tòa án các cấp tạo điều kiện cho người thực hiện trợ giúp pháp lý trực tại các cơ quan này phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để người được trợ giúp pháp lý biết và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý kịp thời (khoản 9 Điều 8). Ở Trung ương, Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Chương trình phối hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý trực tại Tòa án. Ở một số địa phương đã tổ chức triển khai việc cử người thực hiện trợ giúp pháp lý trực tại Tòa án (trực tại chỗ hoặc trực qua điện thoại) để tiếp nhận và tư vấn cho người thuộc diện trợ giúp pháp lý về quyền được trợ giúp pháp lý, các vấn đề liên quan đến vụ việc. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế trực kết nối từ cơ quan điều tra, cơ sở giam giữ, nhằm tạo thuận lợi để người được TGPL được tiếp cận sớm với dịch vụ trợ giúp

Tài liệu tham khảo

pháp lý, kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đối tượng được trợ giúp pháp lý. Bên cạnh đó, trong thời gian qua công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh, thành phố cũng được các Trung tâm tích cực thực hiện. Các Trung tâm trợ giúp pháp lý đã phối hợp với Đoàn luật sư ở địa phương, các tổ chức như Hội Luật gia; Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Mặt trận tổ quốc... để thực hiện truyền thông về trợ giúp pháp lý hoặc giới thiệu hội viên đến Trung tâm. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, việc phối hợp với cơ quan nói trên đã góp phần đáng kể vào việc tăng cường số lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và góp phần nâng cao chất lượng thực hiện trợ giúp pháp lý, mang đến nhiều vụ việc trợ giúp pháp lý thành công, hiệu quả.

4.5. Tính khách quan trong việc ban hành quyết định áp dụng pháp luật của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

Pháp luật đòi hỏi áp dụng một cách thống nhất, khách quan, chính xác cho mọi trường hợp, là thước đo chung cho mọi trường hợp cụ thể và cá biệt. Các hoạt động tố tụng như điều tra, truy tố, xét xử lại càng đòi hỏi sự khách quan, chính xác và thống nhất. Những quyết định áp dụng pháp luật khách quan, công minh và chính xác của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong thời gian qua đã góp phần to lớn vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, công bằng xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn có những quyết định áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được ban hành còn sai sót, bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội, hoặc việc xem xét, đánh giá vụ việc chưa toàn diện. Thực tế có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tính khách quan trong việc ban hành quyết định áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng như: việc áp dụng các quy định pháp luật trong việc giải quyết vụ án; vốn sống thực tiễn của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; ý thức pháp luật và kỹ năng

nghề nghiệp của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; tác động từ công luật và dư luận xã hội; tác động từ những tiêu cực xã hội....

Ví dụ, cùng một trường hợp phạm tội cụ thể nhưng cách nhìn nhận, đánh giá về nhân thân của bị cáo, về tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, đánh giá các chứng cứ ở mỗi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lại khác nhau nên việc điều tra, truy tố, xét xử đôi khi có sự khác nhau trong việc áp dụng hình phạt, áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án.

Chính vì vậy, việc ra quyết định áp dụng pháp luật của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới tính thành công của vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng.

4.6. Các yếu tố khác

Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bố trí nơi tiếp người được trợ giúp pháp lý tại trụ sở của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc tại địa điểm khác ngoài trụ sở của tổ chức nhưng phải bảo đảm điều kiện để họ trình bày yêu cầu được dễ dàng, thuận lợi. Trong trường hợp nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý cần được giữ bí mật thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bố trí địa điểm phù hợp. Như vậy, trong những vụ việc nhạy cảm như có yếu tố bạo lực, yếu tố giới hoặc liên quan đến đối tượng trợ giúp pháp lý là trẻ em... thì cần bố trí địa điểm riêng để người được trợ giúp pháp lý trình bày một cách thuận tiện, bố trí người tiếp nhận có kiến thức, am hiểu tâm sinh lý của trẻ em, nạn nhân bị bạo lực.... Hiện nay cơ sở vật chất phục vụ cho công tác trợ giúp pháp lý về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu công tác, nhiều Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có trụ sở làm việc độc lập và các trang thiết bị phục vụ cho công việc được trang bị đầy đủ (trang bị đầy đủ máy tính nối mạng, điện thoại, máy ghi âm, máy ảnh...) tạo điều kiện thuận lợi cho trợ giúp viên pháp lý và luật sư thực hiện

trợ giúp pháp lý thu thập thông tin, dữ liệu, bằng chứng cho hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý. Đây cũng là một trong những yếu tố làm nên vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.

Ngoài ra, các quy định pháp luật trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, pháp luật về nội dung, pháp luật về tố tụng... cũng ảnh hưởng đến việc thành công, hiệu quả của một vụ việc trợ giúp pháp lý như:

Quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý: Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định rõ điều kiện, tiêu chuẩn người thực hiện trợ giúp pháp lý; về quy trình thực hiện trợ giúp pháp lý; về quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý...

Quy định của pháp luật về người được trợ giúp pháp lý: Luật Trợ giúp pháp lý 2017, Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật, Luật Phòng chống mua bán người, Pháp lệnh Ưu đãi người có công... và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Quy định pháp luật về nội dung: Bộ luật hình sự, Bộ luật dân sự, Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Xử lý vi phạm hành chính... và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Quy định pháp luật về tố tụng: Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tạm giữ, tạm giam,... và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Mục 2

Hướng dẫn xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

1. Về các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công

Sau 05 năm triển khai Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đã tập trung nguồn lực vào thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý, đặc biệt là vụ việc tham gia tố tụng. Số lượng vụ việc tham gia tố tụng ngày càng tăng, chất lượng trợ giúp pháp lý ngày càng cao. Nhiều vụ việc mà quan điểm bào chữa, bảo vệ cho người được trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý được các cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận, được tuyên mức án nhẹ hơn hoặc chuyển tội danh, thay đổi khung hình phạt thấp hơn so với mức đề nghị của Viện Kiểm sát, thậm chí được vô tội đã góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, bảo đảm nguyên tắc, nâng cao chất lượng tranh tụng trong xét xử và phòng, chống oan sai cũng như bỏ lọt tội phạm.

Để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công, hiệu quả, ngày 06/8/2019, Trung tâm thông tin, dữ liệu trợ giúp pháp lý thuộc Cục Trợ giúp pháp lý đã có Công văn số 06/TGPL-TTTTDL yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Trung tâm trợ giúp pháp lý) thống kê vụ việc hiệu quả trong lĩnh vực hình sự đối với các vụ việc bào chữa (từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/12/2019). Tiếp theo, ngày 16/10/2020 Cục Trợ giúp pháp lý đã có Công văn số 427/CTGPL-TC&QLCL kèm theo các tiêu chí xác định vụ việc thành công, hiệu quả trong cả 03 lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính. Trong quá trình tổng hợp, địa phương đã bày tỏ sự đồng tình, ủng hộ và đóng góp ý kiến cụ thể vào một số tiêu chí. Trên cơ sở đó, Cục Trợ giúp pháp lý đã nghiên cứu, chỉnh sửa các tiêu chí và đã có Công văn số 98/CTGPL-TC&QLCL ngày 16/3/2021 gửi địa phương yêu cầu thống kê vụ việc thành công, hiệu quả.

Theo báo cáo của địa phương, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2022, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trên cả nước đã thực hiện được 146.148 vụ việc trợ giúp pháp lý cho 146.148 người được trợ giúp pháp lý, trong đó, 67.107 vụ việc tham gia tố tụng, chiếm 45,9%.

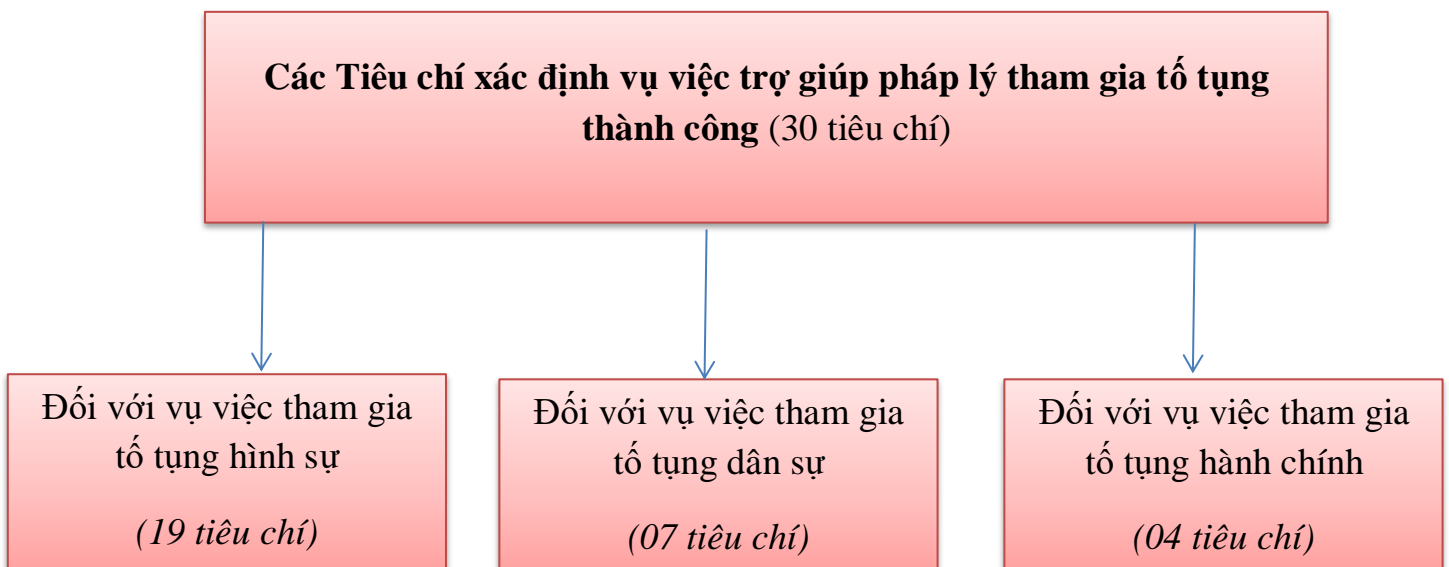
Theo tổng hợp báo cáo địa phương năm 2018 – 6/2022, có 19.933 vụ việc tham gia tố tụng thành công, hiệu quả, trong đó chia theo người thực hiện trợ giúp pháp lý: Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 16.812 vụ việc, Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện 3.121 vụ việc. Đáp ứng các tiêu chí vụ việc tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hình sự có 17.288 vụ việc, đáp ứng các tiêu chí vụ việc tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực dân sự có 2.922 vụ việc và đáp ứng các tiêu chí vụ việc tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hành chính có 69 vụ việc. Riêng trong năm 2021, toàn quốc đã thực hiện được 6057 vụ việc thành công, hiệu quả.

Tuy nhiên, việc đưa ra các tiêu chí dưới hình thức công văn hướng dẫn của Cục đến nay đã không còn phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu của Thông tư số 03/2021/TT-BTP. Vì vậy, cần có văn bản có giá trị pháp lý cao hơn để bảo đảm tính thống nhất trong công tác quản lý, nắm bắt có hiệu quả về số lượng và chất lượng vụ việc tham gia tố tụng thành công trong toàn quốc, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý, với mục tiêu đem lại lợi ích tốt nhất cho các đối tượng thụ hưởng, đồng thời qua đó khẳng định hơn nữa vai trò, vị thế của đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý nói riêng, của công tác trợ giúp pháp lý nói chung trong đời sống xã hội.

Chính vì vậy, ngày 16/5/2022, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành các Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công trong tố tụng (kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022). Theo đó, có 30 tiêu chí được xác định là tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trong các lĩnh vực

hình sự, dân sự, hành chính. Các Tiêu chí được nghiên cứu từ thực tiễn các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng trong thời gian qua, nghiên cứu, rà soát quy trình tố tụng và tư cách của người được trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng mà người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Cụ thể xin giới thiệu các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công như sau:



➤ **Đối với vụ việc tham gia tố tụng hình sự: Có 19 tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hình sự, được phân loại theo tư cách của người được trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng hình sự và các giai đoạn tố tụng như:**

- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố hoặc bào chữa cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ (01 tiêu chí).
- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị can, bị cáo (07 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị hại (07 tiêu chí).
- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn dân sự trong vụ án hình sự (01 tiêu chí).
- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị đơn dân sự trong vụ án hình sự (01 tiêu chí).
- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan (01 tiêu chí).
- Thực hiện trợ giúp pháp lý theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm (01 tiêu chí).

*Các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công
trong lĩnh vực hình sự cụ thể như sau:*

Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố hoặc bào chữa cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ (01 tiêu chí)

Tiêu chí 01: Khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố hoặc bào chữa cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận theo hướng không khởi tố hoặc khởi tố về tội nhẹ hơn so với hành vi bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố.

Khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị can, bị cáo mà quan điểm bào chữa, kiến nghị của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận thuộc một trong các trường hợp sau (07 tiêu chí):

Tiêu chí 02: Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; hủy bỏ quyết định khởi tố bị can; rút toàn bộ hoặc một phần quyết định truy tố bị can; bị cáo được tuyên không có tội; được miễn trách nhiệm hình sự; loại trừ trách nhiệm hình sự; miễn hình phạt.

Tiêu chí 03: Được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đình chỉ điều tra vụ án; đình chỉ điều tra đối với bị can; đình chỉ vụ án; đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo; đình chỉ xét xử phúc thẩm mà có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

Tiêu chí 04: Được chuyển tội danh, được hưởng án treo hoặc chuyển khung hình phạt theo hướng nhẹ hơn so với tội danh, khung hình phạt bị khởi tố, truy tố, xét xử; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn so với tội danh, khung hình phạt bị khởi tố, truy tố, xét xử.

Tiêu chí 05: Được giữ nguyên hình phạt đối với những bản án bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo hướng không có lợi cho người bị kết án là người được trợ giúp pháp lý.

Tiêu chí 06: Được tuyên mức án thấp nhất hoặc thấp hơn theo mức đề nghị của Viện Kiểm sát trong cùng khung hình phạt, cùng tội danh.

Tiêu chí 07: Được giảm hoặc không áp dụng hình phạt bổ sung, không áp dụng biện pháp tư pháp so với đề nghị của Viện Kiểm sát hoặc Bản án sơ thẩm.

Tiêu chí 08: Không phải bồi thường thiệt hại; được giảm mức bồi thường thiệt hại so với đề nghị của Viện kiểm sát hoặc Bản án sơ thẩm; được giảm mức bồi thường thiệt hại so với yêu cầu của bị hại/đương sự và người bị buộc tội hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại; giúp người bị buộc tội thỏa thuận thành công về mức bồi thường thiệt hại với bị hại/đương sự được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án hoặc tại phiên tòa.

Khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị hại mà quan điểm bào chữa, kiến nghị của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng chấp nhận thuộc một trong các trường hợp sau (07 tiêu chí):

Tiêu chí 09: Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận theo hướng khởi tố vụ án;

Tiêu chí 10: Người bị buộc tội không được miễn trách nhiệm hình sự; không được miễn hình phạt; không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự so với đề nghị của cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Bản án sơ thẩm;

Tiêu chí 11: Khi kháng cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì người bị buộc tội được Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không có tội nhưng có căn cứ cho rằng người đó đã phạm tội; khi kháng cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vì có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm bỏ lọt tội phạm, người phạm tội;

Tiêu chí 12: Người bị buộc tội bị chuyển khung hình phạt hoặc chuyển tội danh theo hướng nặng hơn so với tội danh, khung hình phạt bị khởi tố, truy tố, xét xử; người bị buộc tội bị chuyển từ hình phạt khác không phải hình phạt tù sang hình phạt tù; chuyển từ hình phạt tù cho hưởng án treo sang hình phạt tù so với đề nghị của Viện kiểm sát hoặc Bản án sơ thẩm;

Tiêu chí 13: Người bị buộc tội bị áp dụng hình phạt bổ sung; áp dụng biện pháp tư pháp so với đề nghị của cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Bản án sơ thẩm;

Tiêu chí 14: Người bị buộc tội bị tuyên mức án cao nhất hoặc cao hơn theo mức đề nghị của Viện Kiểm sát;

Tiêu chí 15: Được chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại; được chấp nhận mức bồi thường thiệt hại cao hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát hoặc bản án sơ thẩm; được chấp nhận một phần yêu cầu mức bồi thường thiệt hại của bị hại và bị hại hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại; giúp bị hại thỏa thuận thành công về mức bồi thường thiệt hại với người bị buộc tội được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án hoặc tại phiên tòa.

Tài liệu tham khảo

Thực hiện trợ giúp pháp lý
cho nguyên đơn dân sự trong
vụ án hình sự
(01 tiêu chí)

Tiêu chí 16: Thực hiện trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn dân sự mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại; được chấp nhận mức bồi thường cao hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát; chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại và nguyên đơn có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại; giúp nguyên đơn thỏa thuận thành công về mức bồi thường thiệt hại với bị đơn được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án hoặc tại phiên tòa.

Thực hiện trợ giúp pháp lý
cho bị đơn dân sự trong vụ án
hình sự
(01 tiêu chí).

Tiêu chí 17: Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị đơn dân sự mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: không phải bồi thường thiệt hại; được giảm mức bồi thường thiệt hại so với đề nghị của Viện kiểm sát; được giảm mức bồi thường thiệt hại so với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ án không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về mức bồi thường thiệt hại; giúp bị đơn thỏa thuận thành công về mức bồi thường thiệt hại với nguyên đơn được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án hoặc tại phiên tòa.

Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan (01 tiêu chí).

Tiêu chí 18: Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chấp nhận theo hướng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ mà được Tòa án giải quyết kháng cáo theo hướng có lợi cho họ so với Bản án sơ thẩm.

Thực hiện trợ giúp pháp lý theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm (01 tiêu chí).

Tiêu chí 19: Giúp người được trợ giúp pháp lý kiến nghị hoặc kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm và được chấp nhận bằng quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

➤ **Đối với vụ việc tham gia tố tụng dân sự: Có 07 tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực dân sự, được phân loại theo tư cách của người được trợ giúp pháp lý trong khi tham gia tố tụng dân sự và các giai đoạn tố tụng như:**

- Thực hiện trợ giúp pháp lý khi hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hoặc tại phiên tòa và tại phiên tòa phúc thẩm được mà hòa giải thành (01 tiêu chí).

- Vụ việc được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo đề nghị của người thực hiện trợ giúp pháp lý mà có lợi cho người được trợ giúp pháp lý (01 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn (01 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị đơn (01 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người yêu cầu việc dân sự (01 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan (01 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm (01 tiêu chí).

*Các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công
trong lĩnh vực dân sự cụ thể như sau:*

Thực hiện trợ giúp pháp lý khi hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hoặc tại phiên tòa và tại phiên tòa phúc thẩm được mà hòa giải thành. (01 tiêu chí).

Tiêu chí 20: Khi hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hoặc tại phiên tòa giúp người được trợ giúp pháp lý được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp và được Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên; tại phiên tòa phúc thẩm giúp người được trợ giúp pháp lý thỏa thuận được với các đương sự khác về việc giải quyết vụ án và được Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vụ việc được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo đề nghị của người thực hiện trợ giúp pháp lý mà có lợi cho người được trợ giúp pháp lý (01 tiêu chí).

Tiêu chí 21: Vụ việc được Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo đề nghị của người thực hiện trợ giúp pháp lý mà có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

Thực hiện trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn (01 tiêu chí).

Tiêu chí 22: Thực hiện trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và nguyên đơn hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị đơn (01 tiêu chí).

Tiêu chí 23: Thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị đơn hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện; bác yêu cầu khởi kiện nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; bác một phần yêu cầu khởi kiện và bị đơn hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát; giúp bị đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố hoặc một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người yêu cầu việc dân sự (01 tiêu chí)

Tiêu chí 24: Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người yêu cầu việc dân sự mà được Tòa án ra quyết định chấp nhận yêu cầu đó.

Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan (01 tiêu chí).

Tiêu chí 25: Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập; được chấp nhận yêu cầu độc lập nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; được chấp nhận một phần yêu cầu độc lập và người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Thực hiện trợ giúp pháp lý theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm (01 tiêu chí).

Tiêu chí 26: Giúp người được trợ giúp pháp lý kiến nghị hoặc kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm và được chấp nhận bằng quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

➤ **Đối với vụ việc tham gia tố tụng hành chính: Có 04 tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hành chính, được phân loại theo tư cách của người được TGPL trong khi tham gia tố tụng hành chính và các giai đoạn tố tụng như:**

- Trước khi mở phiên tòa, giúp người được trợ giúp pháp lý được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khi đối thoại thành và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (01 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khởi kiện (01 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan (01 tiêu chí).

- Thực hiện trợ giúp pháp lý theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm (01 tiêu chí).

Các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hành chính như sau:

Tiêu chí 27: Trước khi mở phiên tòa, giúp người được trợ giúp pháp lý được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khi đối thoại thành và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

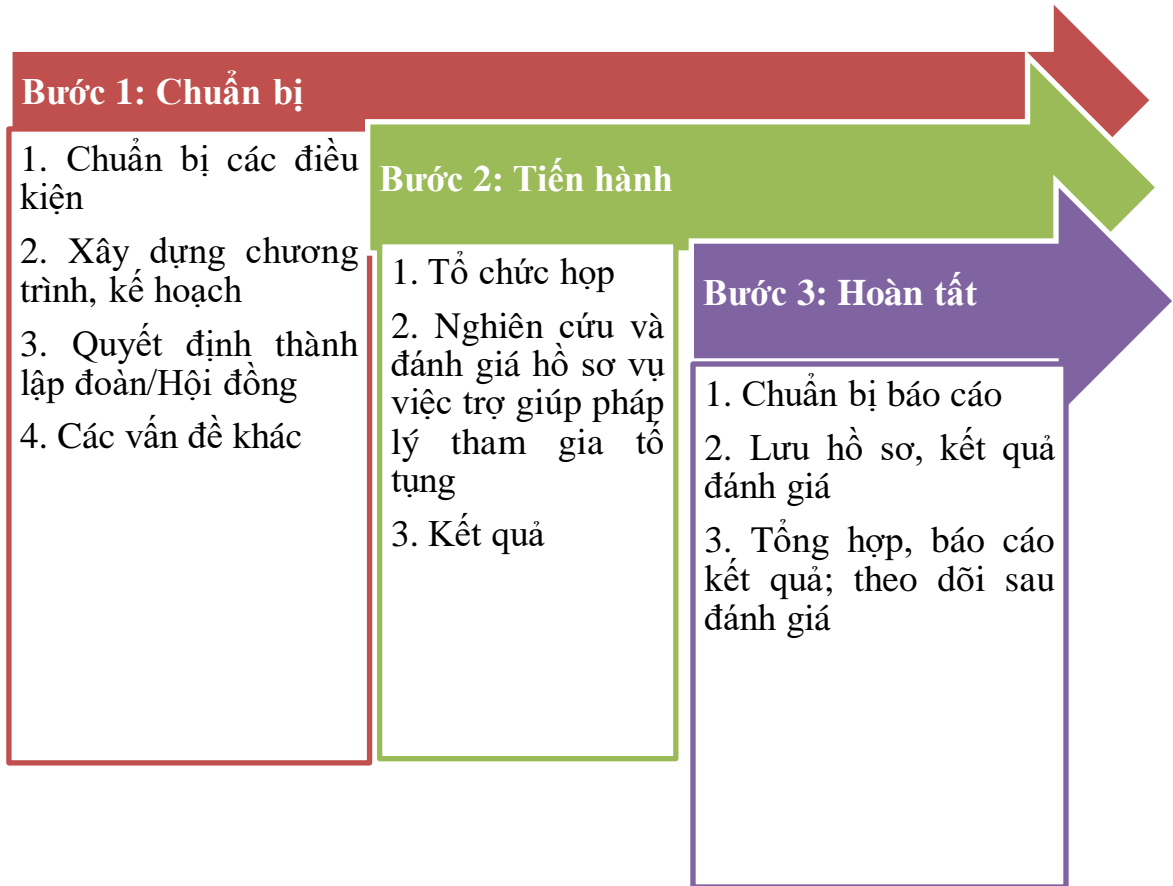
Tiêu chí 28: Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khởi kiện hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên khởi kiện mà được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Tiêu chí 29: Khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan, quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận theo một trong các hướng sau đây: được chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập; được chấp nhận yêu cầu độc lập nhiều hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát; được chấp nhận một phần yêu cầu độc lập và người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân thích của họ có văn bản bày tỏ sự hài lòng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc không có ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Tiêu chí 30: Giúp người được trợ giúp pháp lý kiến nghị hoặc kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm và được chấp nhận bằng quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

2. Các bước xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

Việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công có thể được thực hiện theo 03 bước như sau:



Ghi chú: Tùy từng điều kiện, tình hình cụ thể mà việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công có thể kết hợp cùng với hoạt động khác, ví dụ: đối với Trung tâm trợ giúp pháp lý có thể kết hợp việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công với việc thẩm định thời gian thực hiện để thanh toán hoặc thẩm định chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Việc ghép kết hợp để triển khai là vấn đề linh hoạt, nhằm tiết kiệm thời gian, nhân lực thực hiện. Tuy nhiên cần nắm vững các tiêu chí của từng hoạt động để thực hiện theo đúng quy định. Tránh tình trạng làm “qua loa”, “lấy lệ”.

1. Bước 1: Chuẩn bị

a. Chuẩn bị các điều kiện

- Xem xét đối tượng cần được xác định:
 - Xác định đối tượng là các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng đã kết thúc trong kỳ báo cáo.
 - Xác định tỷ lệ vụ việc cần xác định/tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng kết thúc để xác định thời gian, nguồn nhân lực cần thiết để thực hiện việc xác định vụ việc (trong khoảng thời gian cần báo cáo).

(Xem thêm tại tiểu mục 3 mục 1 về phạm vi, đối tượng xác định đối với từng cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định)

- Xem xét nguồn nhân lực:

Thông tư số 03/2021/TT-BTP không quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện của người thực hiện đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công. Vì vậy, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng xem xét, quyết định phân công nhân sự thực hiện việc xác định.

(Xem thêm tại tiểu mục 2 mục 1 về người thực hiện xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công)

*** Lưu ý:**

- Cần lưu ý đến các yếu tố của người thực hiện việc xác định như: trình độ chuyên môn, lĩnh vực và kinh nghiệm công tác có liên quan đến lĩnh vực, hình thức vụ việc cần xác định và thời gian của việc xác định (theo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất).

- Lưu ý đến các quy định của Thông tư số 03/2020/TT-BTP ngày 28/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý, đặc biệt về bảo mật thông tin về người được trợ giúp pháp lý và vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Xác định các nguồn lực cần thiết để thực hiện các hoạt động xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

Tùy tình hình thực tiễn, cơ quan có thẩm quyền đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý đưa vào để chuẩn bị các điều kiện thuận lợi cho công tác đánh giá như: kinh phí đánh giá, các công cụ, thiết bị hỗ trợ đánh giá...

b. Xây dựng chương trình, kế hoạch xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

Tùy từng chủ thể đánh giá có thể xây dựng chương trình, kế hoạch đánh giá theo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất theo thẩm quyền. Riêng đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý do vụ việc cần đánh giá là 100% vụ việc tham gia tổ tụng kết thúc trong kỳ báo cáo, do đó việc đánh giá sẽ được thực hiện thường xuyên, linh hoạt. Do đó, nội dung xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công trong tổ tụng có thể được lồng ghép trong chương trình, kế hoạch công tác năm/6 tháng hoặc chương trình, kế hoạch khác phù hợp.

Nội dung của chương trình, kế hoạch đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công gồm một số nội dung trọng tâm như:

- Mục đích, yêu cầu:

Cần xác định rõ mục đích cơ bản của việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công. Chỉ khi xác định được mục đích rõ ràng, cụ thể, thì việc xác định mới chính xác, đúng yêu cầu đề ra. Một số mục đích, yêu cầu có thể tham khảo tại *tại tiểu mục 1 mục 1 về mục đích, ý nghĩa của việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công* để đưa vào Kế hoạch.

➤ Phạm vi, tỷ lệ vụ việc:

- Việc xác định được phạm vi xác định vụ việc (lĩnh vực, tỷ lệ vụ việc được xác định) sẽ giúp kết quả chính xác, khách quan nhằm bảo đảm thực hiện được mục tiêu của việc xác định. Đồng thời việc xác định phạm vi đúng, đủ sẽ hạn chế lãng phí nguồn lực.

- Tỷ lệ xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công:

+ Đối với tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 100% vụ việc tham gia tổ tụng kết thúc trong kỳ báo cáo cần được xác định. Nên phân loại theo lĩnh vực pháp luật dân sự, hình sự, hành chính.

+ Đối với Sở Tư pháp và Cục Trợ giúp pháp lý: Cần xác định rõ tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có vụ việc cần được xác định; số lượng vụ việc tham gia tổ tụng kết thúc trong kỳ báo cáo sẽ được xác định; người thực hiện trợ giúp pháp lý (Trợ giúp viên pháp lý, luật sư); tỷ lệ vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính được xác định.

Ví dụ: tùy theo tình hình thực tiễn, trong Kế hoạch cơ quan có thẩm quyền đánh giá có thể lựa chọn tỷ lệ phần trăm (%) các vụ việc trong lĩnh vực dân sự, hình sự, hành chính của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để xác định, phù hợp với tình hình thực tiễn như thời gian, nhân lực.

➤ Cách thức tiến hành:

Chi tiết các công việc và nội dung cần triển khai, cách thức hoạt động, trách nhiệm của người thực hiện việc xác định, các điều kiện để thực hiện (bản kết quả xác định, tài liệu hướng dẫn, phân công công việc cụ thể...).

Cần thống nhất việc đánh giá dựa trên nguyên tắc nào (chẳng hạn: nguyên tắc toàn vẹn, trung thực, có trách nhiệm, bảo mật thông tin vụ việc, độc lập, tiếp

cận dựa trên cơ sở tài liệu xác đáng,...) và cần tập trung vào quy trình/hoạt động liên quan đến công việc cụ thể.

Báo cáo kết quả đánh giá: thời hạn báo cáo kết quả đánh giá, các yêu cầu đối với báo cáo kết quả đánh giá.

- Thời điểm, địa điểm đánh giá.
- Tổ chức thực hiện, trách nhiệm thi hành.
- Các điều kiện cần thiết khác (nếu có).

c. Quyết định thành lập đoàn/hội đồng

- Hồ sơ trình ban hành Quyết định thành lập đoàn/hội đồng

Hồ sơ trình người có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập đoàn/Hội đồng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công có thể bao gồm:

- Phiếu trình hoặc tờ trình đề xuất;
- Dự thảo kế hoạch đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý thành công trong tố tụng;
- Dự thảo Quyết định thành lập đoàn/hội đồng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.

➤ Quyết định thành lập đoàn/hội đồng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công theo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc theo đợt.

Lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền xác định ra quyết định thành lập Đoàn/hội đồng đồng thời phê duyệt Kế hoạch đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.

** Các loại quyết định thành lập Đoàn/Hội đồng:*

Phụ thuộc vào mục đích xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của mỗi cơ quan có thẩm quyền mà quyết định thành lập đoàn/hội

đồng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công được ban hành theo từng đợt hoặc theo định kỳ.

- *Quyết định thành lập đoàn/hội đồng theo định kỳ*: thường được ban hành theo chương trình, kế hoạch đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công định kỳ.

Đối với các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, do cần đánh giá 100% số vụ việc tham gia tổ tụng kết thúc trong kỳ báo cáo, vì vậy việc đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công là nhiệm vụ thường xuyên. Việc phân công người đánh giá có thể thực hiện linh hoạt như phân công theo tháng/quý/6 tháng/năm hoặc theo từng đợt riêng lẻ hoặc phân công chéo .v.v để phù hợp với nguồn lực và thời gian của tổ chức, người thực hiện.

- *Quyết định thành lập đoàn/hội đồng theo đợt*: có thể áp dụng trong trường hợp:

(1) Đối với Sở Tư pháp, thành lập Đoàn/Hội đồng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công theo đợt thường trong các trường hợp sau:

(i) Vụ việc đã được tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đánh giá hiệu quả bị phản ánh, kiến nghị với Sở Tư pháp vì cho rằng vụ việc trợ giúp pháp lý chưa bảo đảm hiệu quả;

(ii) Các vụ việc khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý tại địa phương;

(2) Đối với Cục Trợ giúp pháp lý, thành lập Đoàn/Hội đồng xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công theo đợt trong các trường hợp sau:

(i) Qua hoạt động theo dõi, kiểm tra hoạt động đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý của địa phương;

(ii) Các vụ việc khác để phục vụ công tác quản lý nhà nước và quản lý chuyên ngành về trợ giúp pháp lý.

d. Các vấn đề khác

- Truyền thông nội bộ:

Việc đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý sẽ liên quan trực tiếp đến người thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của vụ án đó. Do đó, về tâm lý sẽ không có người nào mong muốn vụ việc của mình bị đưa ra để người khác xem xét, đánh giá. Thời gian đầu khi triển khai, có thể họ sẽ cảm thấy bị áp lực mỗi khi đến kỳ đánh giá. Vì vậy, trước khi đưa các vụ việc ra xác định, cơ quan/đơn vị đánh giá nên truyền thông nội bộ rõ ràng, cụ thể về mục tiêu của việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công sẽ giúp tối ưu hóa kết quả làm việc của người thực hiện trợ giúp pháp lý, giúp tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có kế hoạch nâng cao chất lượng công tác trợ giúp pháp lý trong giai đoạn tiếp theo, đồng thời giúp người thực hiện trợ giúp pháp lý hiểu đúng đánh giá như một công cụ giúp họ làm việc tốt hơn thay vì nhìn nhận đánh giá hiệu quả vụ việc với một tâm lý nặng nề. Vì vậy, cần truyền thông nội bộ rõ ràng, minh bạch, có kế hoạch cụ thể.

- Bồi dưỡng, tập huấn về đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.

Đây là vấn đề mới, do đó để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công cần phải có bồi dưỡng, tập huấn. Nếu không được bồi dưỡng tập huấn có thể sẽ tiến hành đánh giá theo cảm tính, thói quen, thậm chí là phiến diện dẫn đến kết quả đánh giá có thể sẽ không còn đảm bảo yếu tố chính xác, khách quan. Vì vậy, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xác định trước khi lựa chọn

Tài liệu tham khảo

nhân sự đánh giá cần bồi dưỡng thêm về kỹ năng đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý hiệu quả.

- Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn:

Người thực hiện việc xác định cần được tập huấn về các bước xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công và được cung cấp tài liệu hướng dẫn xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công để tham khảo. Đặc biệt, người thực hiện cần nắm vững nội dung các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công.

- Chuẩn bị vụ việc trợ giúp pháp lý được đưa ra để xác định:

Chuẩn bị các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ vụ việc được đánh giá (đặc biệt cần lưu ý các giấy tờ thể hiện quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc được cơ quan tiến hành tố tụng chấp thuận).

Cần sắp xếp hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng phân loại theo lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính theo trình tự thời gian để việc đánh giá được thuận lợi.

- Chuẩn bị bản/bảng thể hiện kết quả việc xác định:

Theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP “*kết quả xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công được thể hiện bằng văn bản và lưu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý*”. Hiện nay chưa có mẫu giấy tờ văn bản xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công. Do đó có thể tham khảo các nội dung chủ yếu sau:

- + Các thông tin cơ bản của vụ việc và diện người được trợ giúp pháp lý.
- + Yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý.

Tài liệu tham khảo

- + Quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý (bản bào chữa, bản bảo vệ, giấy tờ khác có thể hiện quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý ...)
- + Quan điểm của bên đối trọng (của bên buộc tội, của bên yêu cầu bồi thường, bản cáo trạng....).
- + Kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng đối với việc giải quyết vụ án (quyết định tố tụng, bản án...).
- + Đánh giá tính hiệu quả của vụ án: thành công hay không thành công. Nếu thành công thì thành công ở tiêu chí nào, ghi rõ sự thành công, hiệu quả của vụ việc trợ giúp pháp lý (tóm tắt khoảng 2-3 dòng).
- Xem lại quy trình, hồ sơ đánh giá của các kỳ trước (nếu cần)

2.2. Bước 2: Tiến hành xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

a. Hợp thống nhất về nguyên tắc, cách thức, nội dung xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

➤ Thống nhất nguyên tắc xác định

Cần thống nhất nguyên tắc xác định để bảo đảm sự đồng đều, tính chính xác của việc đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng. Một số nguyên tắc xác định có thể tham khảo như sau:

- Nguyên tắc 1: Tuân thủ quy định pháp luật
 - Nguyên tắc 2: Trung thực
 - Nguyên tắc 3: Có trách nhiệm và suy xét trong việc đánh giá
 - Nguyên tắc 4: Bảo mật thông tin vụ việc trợ giúp pháp lý
 - Nguyên tắc 5: Độc lập
 - Nguyên tắc 6: Khách quan, dựa trên những bằng chứng, tài liệu hiện có.
- **Nắm rõ nguyên tắc chung trong việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công được ban hành theo Quyết định số 1179/Đ-BTP ngày 16/5/2022**

- Vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công là vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc.
- Vụ việc mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khác với quan điểm của một trong các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng và được chấp nhận một phần hoặc toàn bộ theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở quy định của pháp luật.

➤ Thống nhất về các phương pháp xác định

Trong quá trình đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công có thể sử dụng riêng lẻ hoặc sử dụng kết hợp các phương pháp khác nhau. Có thể kể đến một vài phương pháp như sau:

- Phương pháp liệt kê:

Khi xác định vụ việc cần nắm bắt và liệt kê những vấn đề quan trọng, cốt lõi trong vụ việc trợ giúp pháp lý đang được đánh giá như:

- + Nội dung sơ lược của vụ việc.
- + Yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý
- + Quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý (bản bào chữa/bảo vệ)
- + Quan điểm của bên đối trọng (bên buộc tội, bên yêu cầu bồi thường thiệt hại...)
- + Kết quả của vụ án (quyết định tố tụng, bản án)...

- Phương pháp đối chiếu, so sánh:

Khi xác định vụ việc cần sử dụng phương pháp đối chiếu, so sánh những nội dung sau đây:

Những nội dung cụ thể từ vụ việc trợ giúp pháp lý, yêu cầu trợ giúp pháp lý, quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý, quan điểm của bên đối trọng và kết quả của vụ án với các nguyên tắc chung và tiêu chí cụ thể xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính.

- Phương pháp kết luận: Sau khi đối chiếu, so sánh giữa hồ sơ vụ việc các nội dung các tiêu chí xác định, cần nắm rõ phương pháp kết luận. Việc kết luận vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công hay không cần rõ ràng, chính xác.

➤ **Thống nhất cách thức làm việc, phân công công việc, nhiệm vụ cụ thể**

Cần thống nhất tổ chức và phân công công việc hợp lý, khoa học, phân chia công việc cho các bộ phận, cách thức phối hợp nhằm cho công việc không bị gián đoạn.

Phân công nhóm: Các thành viên (theo quyết định thành lập đoàn/hội đồng) được phân công theo các nội dung sau:

- Số lượng người đánh giá, ai là người tham gia đánh giá.
- Phân công nhiệm vụ của từng nhóm đánh giá đối với từng loại vụ việc tham gia tố tụng.
- Đảm bảo người đánh giá có đủ năng lực. Ưu tiên lựa chọn người có kiến thức chuyên môn sâu trong lĩnh vực như vụ việc đang được xác định và nắm chắc, thực hành nhuần nhuyễn các kỹ năng .

b. Nghiên cứu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng

Kết quả thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý phải được thể hiện ở hồ sơ vụ việc. Do đó, việc đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công phải trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ vụ việc. Đây là bước quan trọng trong quy trình đánh giá. Khác với việc đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý, việc đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công tập trung vào kết quả vụ việc, yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý, quan điểm bảo vệ/bào chữa của người thực hiện trợ giúp pháp lý, quan điểm của bên đối trọng và phán quyết của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án. Vì vậy, khi tiến hành đánh giá, người đánh giá cần tiến hành kiểm tra hồ sơ vụ việc có đủ các loại giấy tờ thể hiện những quan điểm nêu trên.

➤ **Nghiên cứu yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý:**

Nghiên cứu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và các giấy tờ tài liệu có liên quan đến vụ án để thấy rõ yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý.

➤ Nghiên cứu luận điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý:

Nghiên cứu các giấy tờ, tài liệu liên quan đến quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý: bản bào chữa hoặc bản bảo vệ quyền lợi cho người được trợ giúp pháp lý có chữ ký, họ tên của người thực hiện trợ giúp pháp lý; giấy tờ, tài liệu khác thể hiện quá trình thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý ... Hồ sơ vụ việc phải thể hiện rõ, cụ thể luận điểm, quan điểm, đề xuất của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ án. Quan điểm, đề xuất của người thực hiện trợ giúp pháp lý chung chung sẽ không có căn cứ để xác định.

➤ Nghiên cứu quan điểm của bên đối trọng:

Nghiên cứu các tài liệu, văn bản tố tụng tìm ra quan điểm của bên đối trọng như: bản kết luận điều tra, bản cáo trạng, bản luận tội tại tòa, quyết định tố tụng, bản án... tùy vào từng giai đoạn tham gia tố tụng.

➤ Nghiên cứu quyết định, kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án.

Nghiên cứu quyết định tố tụng, bản án để tìm ra quyết định, kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với việc giải quyết vụ án. Đây chính là căn cứ quan trọng để đối chiếu với các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công.

c. Kết quả đánh giá

Việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công phải được ghi lại bằng văn bản. Văn bản thể hiện kết quả của việc có thể có các nội dung sau:

➤ Tóm tắt những ý chính của vụ việc, thành công của người thực hiện trợ giúp pháp lý là gì (mã số hồ sơ, yêu cầu của người được trợ giúp pháp lý và quan điểm bảo vệ/bào chữa của người thực hiện trợ giúp pháp lý, quan điểm của bên đối trọng, kết luận cuối cùng của cơ quan tiến hành tố tụng về việc giải quyết vụ án, tính hiệu quả, thành công, tiêu chí thành công,...).

➤ Đánh giá: So sánh với các nguyên tắc chung khi xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công; so sánh đề xuất của người thực hiện trợ giúp pháp lý có quan điểm gì khác với bên đối trọng không? Có được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận hay không, chấp nhận ở mức độ nào trong việc giải quyết vụ án? Được thể hiện ở văn bản nào? Có lợi cho người được trợ giúp pháp lý ra sao?

➤ So sánh, đối chiếu kết quả trợ giúp pháp lý vụ việc với nội dung các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp để đưa ra kết luận.

➤ Kết luận: Vụ việc có thuộc vụ việc tham gia tố tụng thành công hay không? Nếu có thì thuộc tiêu chí nào? Nêu rõ.

Mẫu tham khảo

SỞ TƯ PHÁP					CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM							
TÊN TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ					Độc lập - Tự do - Hạnh phúc							
Ngày ...tháng...năm												
TT	Mã hồ sơ	Lĩnh vực TGPL			Họ và tên người thực hiện TGPL	Diện người được TGPL	Kết quả đánh giá					
		Hình sự	Dân sự	Hành chính			Không thành công	TS vụ việc thành công	Tiêu chí xác định vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công		Tóm tắt nội dung vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công	Tinh hiệu quả
									Tổng số tiêu chí	Tiêu chí		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Ví dụ 1	TT.TGTT.14.2021	1			Nguyễn Văn A	Trẻ em	1					
Ví dụ 2	TT.TGTT.15.2021	1			Nguyễn Văn A	Người nghèo		1	2	TC 06, TC 08	-Yêu cầu của người được TGPL: bảo chữa trong vụ án hình sự về tội cướp tài sản tại cấp sơ thẩm -Quan điểm của VKS: đề xuất 06 - 12 tháng tù -Bảo chữa của TGVPL/luat sư: đề nghị thấp hơn mức đề xuất của VKS -HĐXX: xử phạt 04 tháng tù	Quan điểm của người thực hiện TGPL được Tòa án chấp nhận là giám 02 tháng so với đề nghị của Viện kiểm sát và được giảm mức bồi thường thiệt hại
Ví dụ 3	TT.TGTT.16.2021		1		Nguyễn Văn A	Người khuyết tật có KKTC		1	1	TC 23	-Yêu cầu của người được TGPL (bị đơn): bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong vụ án tranh chấp đất đai tại cấp sơ thẩm - Nguyên đơn: yêu cầu trả lại mảnh đất 60m2 - Ý kiến bảo vệ của TGVPL/luat sư cho bị đơn: yêu cầu của nguyên đơn không có cơ sở, đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. - HĐXX: bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn	Tòa án chấp nhận quan điểm của người thực hiện TGPL, bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn
Tổng số	3	2	1	0			1	2	3			
NGƯỜI THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ (ký, ghi rõ họ tên)												
<ul style="list-style-type: none"> - Cột (2): Ghi rõ mã hồ sơ vụ việc TGPL; - Cột (3), (4), (5): Đánh số 1 vào ô tương ứng - Cột (8): Đánh số 1 vào ô này nếu vụ việc không đáp ứng tiêu chí xác định vụ việc TGPL TGTT thành công; - Cột (9): Đánh số 1 vào ô này nếu vụ việc đáp ứng tiêu chí xác định vụ việc TGPL TGTT thành công; - Cột (10): Ghi rõ tổng số tiêu chí mà vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công đạt được (ví dụ: vụ việc đạt 02 tiêu chí thì ghi 2); - Cột (11): Ghi tiêu chí vụ việc đáp ứng - Cột (12): Tóm tắt nội dung chính của vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công; Ghi rõ: quan điểm của người thực hiện TGPL, của bên đối trọng và kết luận của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng về việc giải quyết vụ án - Cột (13): Ghi rõ kết quả đạt được của việc TGPL trên cơ sở đối chiếu theo các Tiêu chí ; Tinh hiệu quả của vụ án: ví dụ: quan điểm của người thực hiện TGPL được Tòa án chấp nhận là giám 02 tháng so với đề nghị của Viện kiểm sát 												

2.3. Bước 3: Hoàn tất xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

a. Lưu hồ sơ, kết quả của việc xác định

- Thông tin về các tài liệu, hồ sơ mà trong đó có các thông tin về kế hoạch xác định, chuẩn bị việc xác định, báo cáo kết quả việc xác định, cùng các chương trình, kế hoạch, quyết định đánh giá nội bộ cần được lưu trữ lại toàn bộ trong một bộ hồ sơ nhất định.

- Lưu văn bản thể hiện kết quả xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công vào hồ sơ vụ việc.

b. Tổng hợp, báo cáo kết quả xác định, theo dõi sau việc xác định và cải thiện, rút kinh nghiệm

- Tổng hợp, báo cáo kết quả:

Việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công sẽ đem lại cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cũng như cơ quan quản lý về trợ giúp pháp lý có định hướng phát triển, phương hướng hành động tiếp theo tạo một sự chuyển biến hay thay đổi tích cực, nâng cao hiệu quả hoạt động công tác trợ giúp pháp lý. Sau khi đánh giá xong, phải thực hiện thống kê, báo cáo và cập nhật lên phần mềm hệ thống vụ việc trợ giúp pháp lý thành công hiệu quả. Hướng dẫn cụ thể việc thống kê, báo cáo sẽ được nêu cụ thể ở phần sau.

- Vinh danh, khen thưởng, rút kinh nghiệm:

Tùy tình hình thực tiễn, có hình thức khen thưởng xứng đáng với những người thực hiện trợ giúp pháp lý có nhiều vụ việc trợ giúp pháp lý thành công hoặc có vụ việc trợ giúp pháp lý thành công nổi trội, điển hình hơn. Điều này vừa giúp tạo động lực phấn đấu cho chính bản thân những người thực hiện trợ giúp pháp lý và là “cú hích” để những người thực hiện trợ giúp pháp lý khác trong tổ chức phấn đấu.

- Lập kế hoạch truyền thông về vụ việc trợ giúp pháp lý thành công có tính chất điển hình hoặc đào tạo, tập huấn kỹ năng trợ giúp pháp lý:

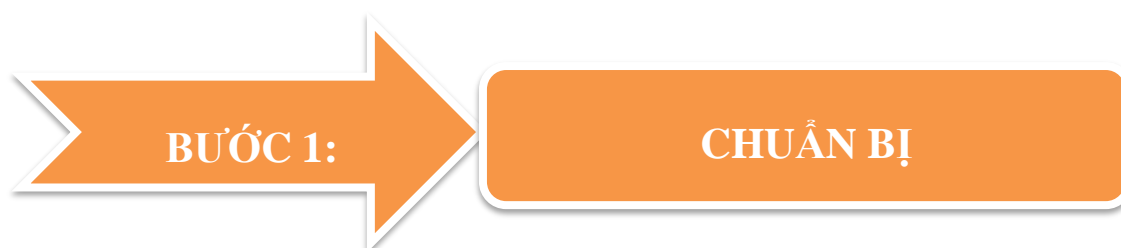
Trên cơ sở tổng kết kết quả, phát hiện những vụ án trợ giúp pháp lý thành công điển hình, nổi trội, có thể dựng phóng sự, phim truyền thông hoặc bài viết, tọa đàm trao đổi, học hỏi cũng như rút ra những kinh nghiệm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý. Qua kết quả đánh giá cũng có thể nắm bắt nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ năng trợ giúp pháp lý nào cần thiết để tổ chức tập huấn cho phù hợp, đúng trọng tâm, trọng điểm.

Một số lỗi thường gặp trong quá trình thực hiện đánh giá:

1. Không nắm vững hoặc bỏ qua không áp dụng hoặc áp dụng không chính xác các nguyên tắc chung khi xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công (đặc biệt là nguyên tắc thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý *khác với quan điểm của một trong các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và được chấp nhận một phần hoặc toàn bộ* theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở quy định pháp luật).
2. Không nắm vững, áp dụng chưa chính xác nội dung các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.
3. Xác định khi hồ sơ vụ việc không đầy đủ, thiếu các giấy tờ quan trọng để xác định được tính thành công của vụ việc, thậm chí quan điểm, đề xuất của người thực hiện trợ giúp pháp lý không có hoặc còn chung chung, không cụ thể.
4. Không đánh giá hoặc đánh giá chưa đủ, chưa chính xác quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc.
5. Không xác định được hoặc không xác định rõ tính thành công của vụ việc.

SƠ ĐỒ THỰC HIỆN

CÁC BƯỚC



	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	CÁCH THỨC, NỘI DUNG
1	Chuẩn bị các điều kiện để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét đối tượng cần được xác định. - Nguồn nhân lực: xác định các biện pháp hiện thời để đảm bảo người thực hiện có đủ năng lực thực hiện quá trình. - Chuẩn bị các điều kiện, công việc cần thiết khác để thực hiện các hoạt động của quá trình.
3	Xây dựng Chương trình, Kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> - Lập chương trình, kế hoạch theo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất.
4	Quyết định thành lập đoàn/hội đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ trình ban hành Quyết định thành lập đoàn/hội đồng.

Tài liệu tham khảo

		<ul style="list-style-type: none">- Quyết định thành lập đoàn/hội đồng theo định kỳ (tháng, quý, năm) hoặc đột xuất.
5	Các vấn đề khác	<ul style="list-style-type: none">- Truyền thông nội bộ.- Đào tạo, tập huấn về xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.- Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn.- Chuẩn bị hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý để thực hiện việc xác định.- Chuẩn bị bản/bảng đánh giá/báo cáo xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.- Xem lại quy trình, hồ sơ của các kỳ trước (nếu cần).

BUƯỚC 2:

TIẾN HÀNH

Họp	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất nguyên tắc - Thống nhất phương pháp - Thống nhất cách thức làm việc, báo cáo; phân công công việc, nhiệm vụ cụ thể
Nghiên cứu hồ sơ vụ việc TGPL	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý - Nghiên cứu luận điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý - Nghiên cứu quan điểm của bên đối trọng - Nghiên cứu các quyết định tố tụng, bản án.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt những ý chính của vụ việc, thành công của người thực hiện trợ giúp pháp lý là gì (tóm tắt luận điểm của các bên, và văn bản ghi nhận sự thành công của người thực hiện trợ giúp pháp lý). - Đánh giá: so sánh đề xuất của người thực hiện trợ giúp pháp lý có quan điểm gì mới hoặc khác với cơ quan tiến hành tố tụng không? Có được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận ko? Được thể hiện ở văn bản nào? Có lợi cho người được trợ giúp pháp lý ở mức độ nào?

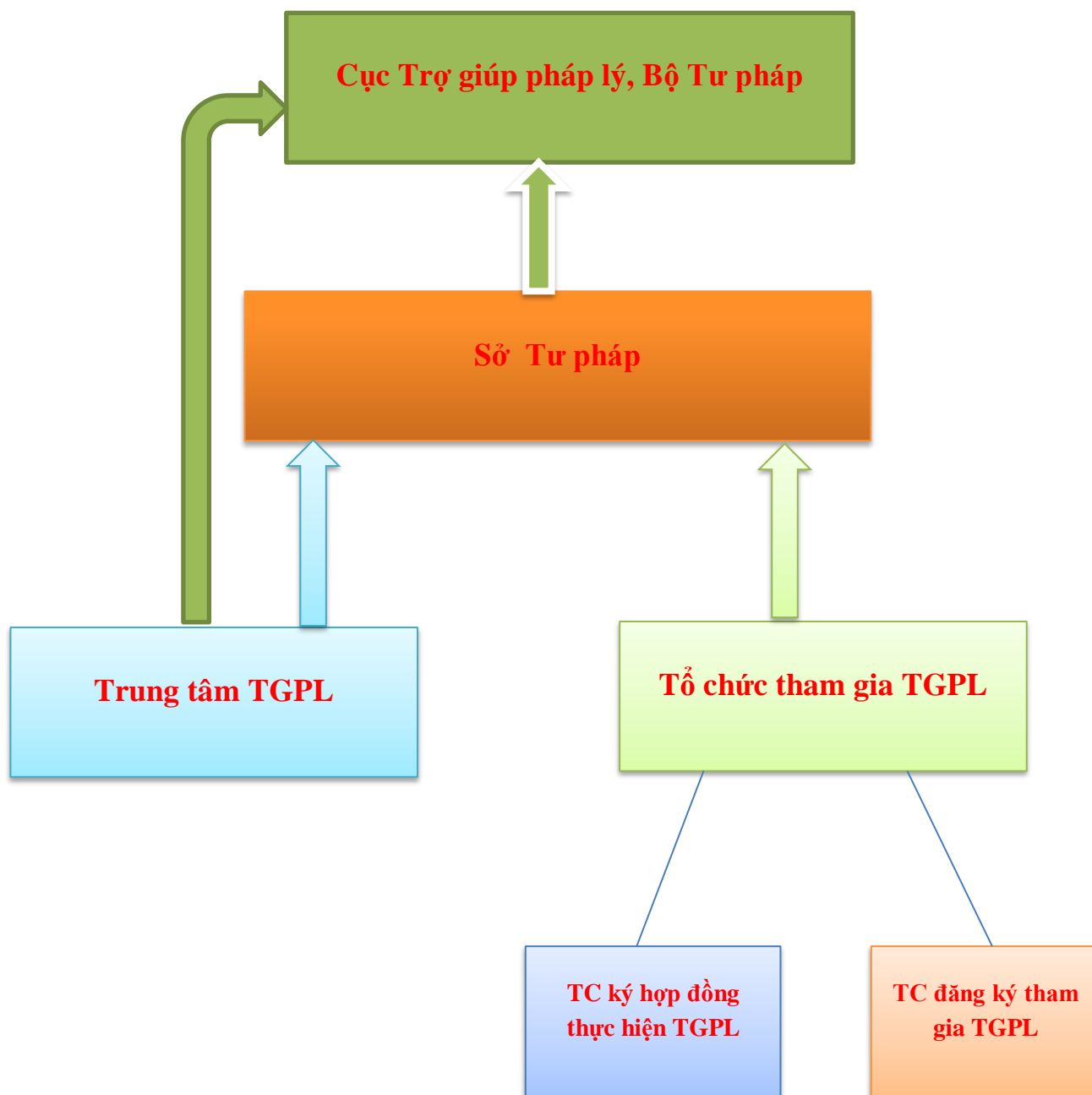
	<ul style="list-style-type: none">- So sánh kết quả trợ giúp pháp lý vụ việc với nội dung các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp để đưa ra kết luận.- Kết luận: vụ việc có đáp ứng tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công không? Theo tiêu chí nào?
--	---



Chuẩn bị báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả xác định được thể hiện bằng văn bản (có thể tham khảo mẫu kèm theo phụ lục)
Lưu hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về các bộ hồ sơ mà trong đó có các thông tin về kế hoạch, chuẩn bị đánh giá, báo cáo kết quả của việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công, cùng các chương trình, kế hoạch, quyết định nội bộ cần được lưu trữ lại toàn bộ trong một bộ hồ sơ nhất định. - Lưu văn bản thể hiện kết quả xác định vụ việc vào hồ sơ vụ việc
Tổng hợp, báo cáo kết quả, theo dõi sau và cải thiện, rút kinh nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp kết quả, thống kê, báo cáo - Vinh danh, khen thưởng, rút kinh nghiệm - Lập kế hoạch truyền thông về vụ việc trợ giúp pháp lý thành công có tính chất điển hình hoặc đào tạo, tập huấn kỹ năng trợ giúp pháp lý

Mục 3

Hướng dẫn báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công



1. Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý):

a. Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) nhận báo cáo của Sở Tư pháp.

Kỳ báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng từ 01/11 năm trước đến 30/4/ năm nay. Đối với báo cáo năm từ 01/11 năm trước đến 01/10 năm nay.

Thời hạn nhận báo cáo theo thời hạn được quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Cụ thể: Thời hạn Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) nhận báo cáo của Sở Tư pháp, đối với báo cáo 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm và đối với báo cáo năm là ngày 28 tháng 11 hàng năm.

Nội dung báo cáo cần đáp ứng những nội dung sau:

- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng.
- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý thành công.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hình sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực dân sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hành chính.
- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện (cụ thể: số vụ việc do Trợ giúp viên pháp lý thực hiện, số vụ việc do luật sư ký hợp đồng thực hiện).
- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công do tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý (cụ thể: số vụ việc do từng tổ chức ký hợp đồng thực hiện).
- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công do tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (cụ thể: số vụ việc do từng tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện).

b. Cục Trợ giúp pháp lý nhận báo cáo của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Kỳ báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng từ 01/11 năm trước đến 30/4/ năm nay. Đối với báo cáo năm từ 01/11 năm trước đến 01/10 năm nay.

Thời hạn nhận báo cáo theo thời hạn được quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Cụ thể: Thời hạn Cục Trợ giúp pháp lý nhận báo cáo của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, đối với Báo cáo 6 tháng là ngày 06 tháng 6 hàng năm và đối với Báo cáo năm là ngày 07 tháng 11 hàng năm.

Nội dung báo cáo cần đáp ứng những nội dung sau:

- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng.
- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý thành công.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hình sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực dân sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hành chính.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý do Trợ giúp viên pháp lý/lưuật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện.

Biểu số: 03
 Ban hành theo Quyết định số..... ngày.....
Ngày nhận báo cáo (BC):
Cục Trợ giúp pháp lý và Sở Tư pháp nhận:
 BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm
 BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm
Kỳ báo cáo:
 Kỳ BC 6 tháng: Từ 01/11 năm trước đến 30/4 năm sau
 Kỳ BC năm: Từ 01/11 năm trước đến 31/10 năm sau

**BÁO CÁO VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
 THAM GIA TỔ TỤNG THÀNH CÔNG
 (6 tháng, năm)**

Đơn vị báo cáo:
 - Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/ thành phố
Đơn vị nhận báo cáo:
 - Cục Trợ giúp pháp lý
 - Sở Tư pháp

**Kỳ báo cáo:
 (Từ ngày/tháng/năm
 đến ngày/tháng/năm)**

STT	Phân theo người thực hiện TGPL	Vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công																																
		Tổng số vụ việc tham gia tổ tụng	Lĩnh vực hình sự																			Lĩnh vực dân sự							Lĩnh vực hành chính					
			TS vụ việc TG/TT hình sự thành công																			TS vụ việc TG/TT dân sự thành công							TS vụ việc TG/TT hành chính thành công					
			TC 01	TC 02	TC 03	TC 04	TC 05	TC 06	TC 07	TC 08	TC 09	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16	TC 17	TC 18	TC 19	TC 20	TC 21	TC 22	TC 23	TC 24	TC 25	TC 26	TC 27	TC 28	TC 29	TC 30		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)
1	Trợ giúp viên pháp lý																																	
2	Luật sư ký hợp đồng thực hiện TGPL																																	
Tổng cộng																																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

2. Đối với Sở Tư pháp:

Sở Tư pháp nhận báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý (Trung tâm trợ giúp pháp lý và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý gồm tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia tham gia trợ giúp pháp lý).

Kỳ báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng từ 01/11 năm trước đến 30/4/ năm nay. Đối với báo cáo năm từ 01/11 năm trước đến 01/10 năm nay.

Thời hạn nhận báo cáo theo thời hạn được quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Cụ thể: Thời hạn Sở Tư pháp nhận Báo cáo 6 tháng là ngày 06 tháng 6 hàng năm và Báo cáo năm là ngày 07 tháng 11 hàng năm.

Nội dung báo cáo:

* *Nội dung yêu cầu đối với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước như nội dung yêu cầu báo cáo gửi Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp tại điểm c tiêu mục 1 mục 3 tài liệu này.*



* Nội dung báo cáo yêu cầu đối với Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý/Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý:

- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng.
- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý thành công.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hình sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực dân sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hành chính.
- Số vụ việc do luật sư tại tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý/luật sư tại tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện.

Biểu số: 02

Ban hành theo Quyết định số.....ngày.....

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

Kỳ báo cáo:

Kỳ BC 6 tháng: Từ 01/11 năm trước đến 30/4 năm sau

Kỳ BC năm: Từ 01/11 năm trước đến 31/10 năm sau

**BÁO CÁO VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
THAM GIA TỔ TỤNG THÀNH CÔNG
(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo:

(Từ ngày/tháng/năm
đến ngày/tháng/năm)

Đơn vị báo cáo:

- Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/Tổ chức đăng ký tham gia TGPL

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

STT	Người thực hiện TGPL	Vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công																																		
		Tổng số vụ việc tham gia tổ tụng	Lĩnh vực hình sự																			Lĩnh vực dân sự						Lĩnh vực hành chính								
			TS vụ việc thành công	TC 01	TC 02	TC 03	TC 04	TC 05	TC 06	TC 07	TC 08	TC 09	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16	TC 17	TC 18	TC 19	TS vụ việc TGPL dân sự thành công	TC 20	TC 21	TC 22	TC 23	TC 24	TC 25	TC 26	TS vụ việc TGPL hành chính thành công	TC 27	TC 28	TC 29	TC 30	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)		
	Luật sư tại Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/Luật sư tại Tổ chức đăng ký tham gia TGPL																																			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

3. Đối với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước:

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công gửi đồng thời về Cục Trợ giúp pháp lý và Sở Tư pháp.

Kỳ báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng từ 01/11 năm trước đến 30/4 năm nay. Đối với báo cáo năm từ 01/11 năm trước đến 01/10 năm nay.

Thời hạn nhận báo cáo theo thời hạn được quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Cụ thể: Thời hạn Cục Trợ giúp pháp lý và Sở Tư pháp nhận Báo cáo 6 tháng là ngày 06 tháng 6 hàng năm và Báo cáo năm là ngày 07 tháng 11 hàng năm.

Nội dung báo cáo cần đáp ứng những nội dung sau :

- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.
- Tổng số tiêu chí: Tổng số vụ việc đáp ứng các tiêu chí (tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng hình sự + tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng dân sự + tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng hành chính).
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hình sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực dân sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hành chính.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý do Trợ giúp viên pháp lý/ luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện.

4. Đối với Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý

Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện báo cáo vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công gửi về Sở Tư pháp.

Kỳ báo cáo: Đối với báo cáo 6 tháng từ 01/11 năm trước đến 30/4/ năm nay. Đối với báo cáo năm từ 01/11 năm trước đến 01/10 năm nay.

Thời hạn nhận báo cáo theo thời hạn được quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp. Cụ thể: Thời hạn Sở Tư pháp nhận Báo cáo 6 tháng là ngày 06 tháng 6 hàng năm và Báo cáo năm là ngày 07 tháng 11 hàng năm.

Nội dung báo cáo cần đáp ứng những nội dung sau :

- Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công.
- Tổng số tiêu chí: Tổng số vụ việc đáp ứng các tiêu chí (tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng hình sự + tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng dân sự + tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng hành chính).
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hình sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực dân sự.
- Số vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng đáp ứng các tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công trong lĩnh vực hành chính.
- Số vụ việc do luật sư tại tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý/luật sư tại tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện.

Biểu số: 02
 Ban hành theo Quyết định số.....ngày.....
Ngày nhận báo cáo (BC):
Sở Tư pháp nhận:
 BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm
 BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm
Kỳ báo cáo:
 Kỳ BC 6 tháng: Từ 01/11 năm trước đến 30/4 năm sau
 Kỳ BC năm: Từ 01/11 năm trước đến 31/10 năm sau

**BÁO CÁO VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
 THAM GIA TỔ TỤNG THÀNH CÔNG**
 (6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo:
 (Từ ngày/tháng/năm
 đến ngày/tháng/năm)

Đơn vị báo cáo:
 - Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/Tổ chức
 đăng ký tham gia TGPL
Đơn vị nhận báo cáo:
 - Sở Tư pháp

STT	Người thực hiện TGPL	Vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công																																		
		Tổng số vụ việc tham gia tổ tụng	Lĩnh vực hình sự																				Lĩnh vực dân sự						Lĩnh vực hành chính							
			TS vụ việc thành công	TS vụ việc TGTT hình sự thành công																				TS vụ việc TGTT dân sự thành công	TS vụ việc TGTT hành chính thành công											
				TC 01	TC 02	TC 03	TC 04	TC 05	TC 06	TC 07	TC 08	TC 09	TC 10	TC 11	TC 12	TC 13	TC 14	TC 15	TC 16	TC 17	TC 18	TC 19	TC 20		TC 21	TC 22	TC 23	TC 24	TC 25	TC 26	TC 27	TC 28	TC 29	TC 30		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)		
	Luật sư tại Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL/Luật sư tại Tổ chức đăng ký tham gia TGPL																																			

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (ký tên, đóng dấu)

5. Về việc cập nhật các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

Các tổ chức, cá nhân thực hiện cập nhật các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công đã hoàn thành lên Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý theo hướng dẫn của Cục Trợ giúp pháp lý.

Hiện nay, Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý đang được tiếp tục hoàn thiện. Vì vậy, trước mắt, việc cập nhật các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công lên Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý đã có Công văn số 261/CTGPL-TC&QLCL ngày 03/6/2022 hướng dẫn việc cập nhật vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công như sau:

Tài liệu tham khảo

Đối với các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công có ngày kết thúc từ sau ngày **01/11/2021**, đề nghị các tổ chức, cá nhân cập nhật thông tin lên Hệ thống bổ sung tên viết tắt tiêu chí thành công (VVTC: TC01, TC02, ..., TCn, ..., TC30) tại ô “Trích yếu nội dung vụ việc” theo mẫu sau:

(VVTC: TC01, TC02, ..., TCn, ..., TC30)

Trong đó “TCn” là tên viết tắt của tiêu chí vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công ban hành kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP.

Ví dụ:

Trích yếu nội dung vụ việc:

Vụ án "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" (VVTC: **TC04, TC05**)

Cục Trợ giúp pháp lý sẽ tiếp tục hướng dẫn việc cập nhật các vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công sau khi Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý được hoàn thiện.

Lưu ý:

Một vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công có thể đáp ứng nhiều tiêu chí; vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công đáp ứng bao nhiêu tiêu chí thì báo cáo bấy nhiêu tiêu chí vào từng ô tương ứng với số tiêu chí đạt được.

PHẦN C

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

1. Thuận lợi, khó khăn và giải pháp triển khai hiệu quả việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

1.1. Những thuận lợi khi xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

Thời gian qua, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tổ tụng đã được các địa phương quan tâm. Nhiều vụ việc đã kịp thời bảo đảm công lý, bào chữa, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý, từng bước tạo được uy tín và niềm tin của người dân vào tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước. Các quan điểm bào chữa, bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý được các cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận, được tuyên mức án nhẹ hơn hoặc chuyển tội danh, thay đổi khung hình phạt thấp hơn, tăng mức bồi thường thiệt hại so với mức đề nghị của Viện Kiểm sát, thậm chí được vô tội... Kết quả này đã góp phần đáng kể vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, bảo đảm nguyên tắc và nâng cao chất lượng tranh tụng trong xét xử và phòng, chống oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Qua kết quả sơ bộ nói trên, có thể thấy công tác xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công có một số thuận lợi như sau:

- Nhận thức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước đối với việc báo cáo về việc vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công là cần thiết, vì vậy, công tác đánh giá, báo cáo được triển khai đúng hướng dẫn bảo đảm thời hạn theo yêu cầu, giúp cơ quan quản lý nhà nước (Cục Trợ giúp pháp lý) có số liệu thống

kê kịp thời để phục vụ công tác xây dựng thể chế, chính sách và các giải pháp nâng cao hiệu quả vụ việc.

Việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý thành công trong tổ tụng đã được các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý đón nhận, quan tâm, qua đó họ có thể rút ra bài học kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng trợ giúp pháp lý của người thực hiện trợ giúp pháp lý.

6. Hiện nay, đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công đã được quy định ở văn bản quy phạm và các tiêu chí xác định đã được Bộ Tư pháp nghiên cứu, hướng dẫn ban hành là cơ sở để các địa phương triển khai thực hiện thống nhất trên toàn quốc.

- Trình độ, năng lực của người thực hiện trợ giúp pháp lý (cũng là người đánh giá hiệu quả vụ việc thành công trong tổ tụng) khá đồng đều và được nâng cao rõ rệt trong thời gian gần đây. Vì vậy, phần nào còn gặp khó khăn trong quá trình triển khai việc này.

1.2. Những thách thức, khó khăn trong việc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công

- Xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công là một vấn đề còn rất mới ở Việt Nam. Bộ Tư pháp mới ban hành các Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công, tuy nhiên chưa có quy định trình tự, thủ tục cụ thể đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý thành công, vì vậy còn gặp một số khó khăn trong quá trình triển khai nhiệm vụ này.

- Về nguồn lực: Tính đến hết năm 2021, 666 Trợ giúp viên pháp lý, 667 Luật sư ký hợp đồng thực hiện TGPL, 108 luật sư tại các Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL với Sở Tư pháp, 154 luật sư tại tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. Nhưng thực tế, nhiều Trợ giúp viên pháp lý mới được bổ nhiệm;

Tài liệu tham khảo

luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý một số nơi chưa thực sự tham gia nhiệt tình vào công tác trợ giúp pháp lý nên chưa đủ thời gian để tích lũy những kinh nghiệm thực tế để có thể đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý như mong muốn. Hơn nữa, nhiệm vụ thực hiện trợ giúp pháp lý là nhiệm vụ chính, còn các nhiệm vụ này là bổ sung phục vụ công tác kiểm soát, quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Do đó nguồn lực, thời gian dành cho công việc này vẫn còn ở mức khiêm tốn.

- Về cơ chế tài chính cho hoạt động đánh giá: việc chi trả, thanh toán các chế độ bồi dưỡng cho người được phân công thực hiện xác định, người kết luận việc xác định vụ việc,... chưa được quy định mặc dù hoạt động này cũng chiếm thời gian, công sức của người đánh giá.

- Phần mềm tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý chưa thực sự thuận lợi cho việc đăng tải hồ sơ vụ việc lên hệ thống, nhất là các vụ việc thành công; hiện nay việc cập nhật, thống kê vụ việc thành công đang thực hiện thủ công, dễ dẫn đến sai sót, chưa chia các trường thể hiện được tính thành công để tiện đăng tải, tra cứu, thống kê số liệu....

1.3. Giải pháp

1.3.1. Về thể chế: tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện tiếp các Tiêu chí xác định vụ việc TGPL thành công trên cơ sở triển khai thực tiễn Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 và nghiên cứu có văn bản hướng dẫn các nội dung có liên quan đến việc đánh giá trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công (như báo cáo, cập nhật hệ thống...) phù hợp với thực tiễn.

1.3.2. Tiếp tục nghiên cứu cải tiến phần mềm Hệ thống tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý bổ sung các trường thông tin, dữ liệu thể hiện rõ tính thành công của vụ việc để thuận tiện cho việc thống kê, báo cáo và chiết xuất thông tin khi cần thiết.

1.3.3. Tăng cường tập huấn cho các cá nhân thực hiện việc đánh giá vụ việc TGPL thành công về: nội dung các tiêu chí, các bước đánh giá,... và hướng dẫn việc cập nhật các vụ việc trợ giúp pháp lý thành công đã hoàn thành lên Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý để triển khai thống nhất việc đánh giá vụ việc TGPL thành công trên toàn quốc.

1.3.4. Có cơ chế vinh danh kịp thời khen thưởng những đơn vị làm tốt công tác đánh giá, đơn vị có nhiều vụ việc thành công, cá nhân có nhiều vụ việc thành công, đặc biệt là vụ việc thành công mang tính điển hình, nổi trội.

1.4. Khuyến nghị một số tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công mang tính điển hình, nổi trội

1.4.1. Mục đích:

Cần lựa chọn các tiêu chí xác định vụ việc tham gia tổ tụng thành công mang tính điển hình, nổi trội nhằm tìm ra những vụ việc thành công nổi trội để tạo diễn đàn chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm, học hỏi giữa người thực hiện trợ giúp pháp lý với nhau và thực hiện truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về trợ giúp pháp lý.

1.4.2. Nguyên tắc lựa chọn các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công mang tính điển hình, nổi trội

Như trên đã đề cập, nguyên tắc xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công là vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công phải là vụ việc trợ giúp pháp lý kết thúc và đó là vụ việc mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khác với quan điểm của một trong các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và được chấp nhận một phần hoặc toàn bộ theo hướng có lợi cho người được trợ giúp pháp lý trên cơ sở quy định pháp luật.

Trong quá trình xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công có thể tìm ra những vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng có tính điển hình, nổi trội hơn (ví dụ như: người được TGPL có quyền và lợi ích bị ảnh hưởng lớn và trợ giúp pháp lý đã đáp ứng toàn bộ hoặc một phần yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý một cách rõ nét; quan điểm, đề xuất của người thực hiện trợ giúp pháp lý có sự khác biệt rõ ràng với bên đối trọng và được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận; quan điểm, đề xuất của người thực hiện trợ giúp pháp lý được chấp nhận mà bình thường những hoạt động này của cơ quan tiến hành tố tụng chủ động phát hiện và thực hiện (chẳng hạn như đình chỉ vụ án,...)).

Trong số các tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công đã ban hành theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022, có thể tham khảo một số tiêu chí xác định vụ việc TGPL tham gia tổ tụng thành công mang tính điển hình, nổi trội sau đây để đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công có tính điển hình, nổi trội hơn:

Một số tiêu chí xác định vụ việc tham gia tổ tụng thành công mang tính điển hình, nổi trội (tham khảo)

- a. Đối với vụ việc tham gia tổ tụng hình sự: Tiêu chí 01, Tiêu chí 02, Tiêu chí 03, Tiêu chí 04, Tiêu chí 06, Tiêu chí 08, Tiêu chí 12, Tiêu chí 14, Tiêu chí 15...***
- b. Đối với vụ việc tham gia tổ tụng dân sự: Tiêu chí 21, Tiêu chí 22, Tiêu chí 23, Tiêu chí 24,...***
- c. Đối với vụ việc tham gia tổ tụng hành chính: Tiêu chí số 28,...***

2. Một vài vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng thành công mang giá trị tham khảo.

2.1. Thực hiện bào chữa cho bị cáo trong vụ án “Cướp tài sản”

Lĩnh vực TGPL: tổ tụng hình sự

Người được TGPL: B.V.N

Thuộc diện được TGPL: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị buộc tội và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.

Người thực hiện TGPL: Trợ giúp viên pháp lý

Nguồn vụ việc: Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh H.B

Tiêu chí: Được chuyển tội danh, được hưởng án treo hoặc chuyển khung hình phạt theo hướng nhẹ hơn so với tội danh, khung hình phạt bị khởi tố, truy tố, xét xử; chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn so với tội danh, khung hình phạt bị khởi tố, truy tố, xét xử; (Tiêu chí 04 theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP).

Từ khóa: “Cướp tài sản”; “Cưỡng đoạt tài sản”, “người chưa thành niên”

Nội dung vụ việc:

B.V.N sinh năm 2001. Vào khoảng 23h đêm ngày 26/4/2017, B.V.N hỏi mượn anh H1 xe mô tô để về nhà lấy rượu để uống. H1 đồng ý và giao B.V.N chiếc xe mô tô của mình. K điều khiển xe chở B.V.N về nhà lấy rượu, trên đường về nhà B.V.N nảy ra ý định vào khu vực nhà văn hóa xóm M để chiếm đoạt tài sản. B.V.N nói với K là “chở tao lên nhà văn hóa xóm M để lấy trộm điện thoại. K đồng ý và chở B.V.N đến sân nhà văn hóa xóm M. B.V.N đi vào quan sát xung

quanh mọi người đang ngủ, điện tắt, trời tối. B.V.N không nhìn thấy gì. B.V.N quay ra và nói với K quên đem đèn pin và nói với K chở tao về nhà lấy. K chở B.V.N về nhà và dừng xe ngoài cổng đợi. B.V.N vào nhà lấy 01 đèn pin, 01 mũ lưỡi trai đội lên đầu, 01 chiếc khẩu trang bịt miệng, xuống bếp lấy 01 con dao bằng, dài 30cm. B.V.N ra xe, K tiếp tục chở B.V.N tới nhà văn hóa xóm M, khi đến sân nhà văn hóa, K dừng xe và đứng ngoài làm nhiệm vụ cảnh giới. B.V.N một mình vào chỗ nhóm công nhân thợ xây đang ngủ ở khu bếp nhà văn hóa. Lúc này vào khoảng 24h đêm cùng ngày, trong khu bếp nhà văn hóa có anh Đ, anh H2, anh T, anh L, anh H3, anh G, tất cả đang ngủ. Anh Đ nghe tiếng động và phát hiện có người lạ vào thì anh dậy gặp B.V.N. Lúc này tay B.V.N cầm 01 con dao, mặt bịt khẩu trang, đầu đội mũ lưỡi trai. B.V.N có lời nói đe dọa anh Đ, yêu cầu anh Đ phải đưa tiền và tài sản. Anh Đ sợ nên phải đi ra cốp xe mô tô, mở cốp lấy 42.000 đồng đưa cho B.V.N. B.V.N thấy có ít nên không lấy. B.V.N quát “Phải đưa đủ 1 đến 2 triệu mới lấy, nếu không sẽ chém chết hết”. Anh Đ buộc phải hỏi từng người đang ngủ xem có tiền không đưa cho B.V.N, nhưng cả 5 người đều không có tiền. Anh Đ lấy hết số tiền trong ví được 230.000 đồng đưa cho B.V.N. B.V.N cầm tiền và phát hiện trong tay anh Đ có đeo 01 dây bạc trị giá 500.000 đồng, B.V.N yêu cầu anh Đ đưa dây bạc cho B.V.N. Anh Đ sợ và tháo dây bạc đưa cho B.V.N cầm luôn. B.V.N tiếp tục đòi “bây giờ tất cả phải chuẩn bị đủ số tiền 03 triệu đồng để ngày mai tao quay lại lấy”. B.V.N đi ra chỗ K đang đợi rồi cả hai đi về nhà.

Khi về đến nhà K hỏi B.V.N lấy được những gì. B.V.N nói lấy được hơn hai trăm nghìn và 01 lắc bạc đeo tay. K nói thế sao không lấy điện thoại. B.V.N trả lời tao quên. B.V.N rủ K quay lại nhà văn hóa để lấy điện thoại, khi cả hai đến nhà văn hóa thấy có đông người và bật điện sáng nên cả hai quay về và rủ H1 đi ăn tiêu hết số tiền nói trên.

Cáo trạng ngày 29/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện truy tố bị cáo B.V.N và K về tội cướp tài sản theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đã luận tội hai bị cáo theo hướng chuyển tội danh nhẹ hơn cho hai bị cáo B.V.N và K từ “Tội cướp tài sản” thành “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo B.V.N và K phạm tội cưỡng đoạt tài sản. Áp dụng Điều 195 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 135, điểm b, g, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo B.V.N từ 14 tháng đến 18 tháng tù, xử phạt bị cáo K từ 12 tháng đến 16 tháng tù.

Trợ giúp viên pháp lý đã bào chữa cho bị cáo B.V.N, không đồng ý với bản cáo trạng, nhưng đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát huyện tại tòa, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo B.V.N phạm tội cưỡng đoạt tài sản và cho bị cáo B.V.N mức án nhẹ nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Lập luận của Trợ giúp viên pháp lý:

Về tội danh, Trợ giúp viên pháp lý không đồng ý với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện truy tố B.V.N về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999. Trong vụ án này, qua nghiên cứu toàn diện hồ sơ vụ án, có sự đối chiếu, so sánh giữa các chứng cứ, tình tiết, diễn biến sự việc, Trợ giúp viên pháp lý đã đưa ra luận điểm như sau:

Thứ nhất, về hành vi của bị cáo:

- Mục đích ban đầu của bị cáo B.V.N chỉ là trộm cắp tài sản. Vì bị phát hiện nên B.V.N đã dọa nạt anh Đ nhằm mục đích để anh Đ đưa thêm tiền chứ không hề muốn gây thương tích cho bị hại.

- Hành vi đe dọa của B.V.N chỉ dừng ở mức độ dọa nạt, thể hiện cụ thể như sau: bị cáo dùng một con dao cũ, đã bị sứt mẻ phần lưỡi, rỉ sét chém vào màn và cửa dây màn mấy lần (nhưng dây màn không đứt). Bị cáo không uy hiếp trực tiếp ai và gây thương tích cho ai..

- Hành vi đe dọa của bị cáo B.V.N không gây sợ hãi cho các bị hại: Khi bị cáo B.V.N nói với cả phòng ngủ của bị hại Đ gồm 04 người là “Bỏ tất cả tiền và điện thoại ra đây!” nhưng không hề có ai hoảng sợ, không ai đưa điện thoại và tiền cho bị cáo B.V.N. Tất cả người ở trong phòng lúc đó đều từ chối (tới 02 lần) và nói rằng không có tiền. Tiếp đó, bị hại Đ vẫn có đủ thời gian đi ra ngoài cốp xe mở ví. Lúc đi ra mở cốp xe ở ngoài sân với khoảng cách khá xa, anh Đ không bị B.V.N đe dọa trực tiếp nên hoàn toàn có thể bỏ chạy trốn thoát được.

Do B.V.N không đồng ý với số tiền 42.000 đồng, bị hại Đ tiếp tục dẫn B.V.N sang phòng bên cạnh có 02 người nữa rồi lại quay về phòng mình bật điện lên để hỏi những người còn lại trong phòng xem có ai có tiền không để góp vào đưa cho bị cáo B.V.N nhưng tất cả đều trả lời không có.

Cuối cùng, để giải quyết nhanh chóng vấn đề, anh Đ mới quyết định lấy hết số tiền trong ví của mình (tổng cộng là 230.000 đồng) ra đưa cho bị cáo B.V.N để bị cáo B.V.N ra về.

Như vậy, đối với bị hại Đ, từ lúc bị cáo B.V.N dọa đến lúc bị cáo B.V.N đi thì anh Đ luôn có thời gian để bình tĩnh cân nhắc và đưa ra cách giải quyết tốt nhất. Anh Đ và những người khác bị đe dọa, yêu cầu đưa điện thoại và tiền nhưng không hề sợ hãi.

Thứ hai, con dao dùng làm công cụ đe dọa, khó có thể gây thương tích cho ai: Tại Bút lục 57 đã mô tả con dao bị cáo B.V.N dùng để đe dọa lấy tiền của anh Đ là: “có phần lưỡi bị sứt mẻ, rỉ sét dài 22cm, dao cũ đã qua sử dụng”. Với một con dao như vậy, con dao mà bị cáo dùng cửa dây màn không đứt, chém vào màn

không rách thì khó có khả năng gây sát thương cho bị hại. Qua đó cho thấy hành vi dọa của bị cáo B.V.N là không mãnh liệt, khó làm cho bị hại và những người trong phòng lúc đó lâm vào tình trạng không thể chống cự được.

Thứ ba, xét về tương quan lực lượng giữa bên đe dọa và bên bị đe dọa:

Xét về tương quan lực lượng thì bị cáo có đồng phạm là K, nhưng K cảnh giới cách chỗ nhà ở nơi thực hiện tội phạm 30 m thì khó có thể ứng cứu, hỗ trợ cho bị cáo B.V.N khi cần thiết. Trong khi đó nhà ở công nhân có tất cả 06 người, phần lớn là thanh niên có sức khỏe, họ áp đảo về số lượng so với bị cáo và họ hoàn toàn có thể chống trả lại bị cáo nếu bị tấn công.

Tóm lại: Theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự 1999 quy định về tội cướp tài sản như sau: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản”. Từ những phân tích nêu trên, hành vi của bị cáo B.V.N không thỏa mãn dấu hiệu của tội cướp tài sản.

Thứ tư, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.
Cụ thể:

- Do B.V.N là người chưa thành niên, không có tài sản riêng nên bố mẹ bị cáo đã tự nguyện liên hệ với người bị hại để bồi thường thiệt hại về sản, khắc phục hậu quả do hành vi con mình gây ra. Tuy anh Đ đã bỏ qua, không yêu cầu bồi thường gì nhưng tại phiên tòa hôm nay, trước khi phiên tòa diễn ra, bố mẹ bị cáo B.V.N vẫn tiến hành bồi thường thay cho con. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo lần đầu phạm tội, mức độ thiệt hại và hậu quả gây ra không lớn, bị cáo cũng đã nhận thấy hành vi của mình là sai phạm nên rất ăn năn hối hận và thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm h và điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS

- Tại thời điểm phạm tội, B.V.N là người chưa thành niên (mới qua sinh nhật 16 tuổi được 28 ngày). Đồng thời, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa chỉ 8/12 nên khả năng, trình độ nhận thức, kiến thức và pháp luật cũng như sự hiểu biết xã hội còn hạn chế nhất định. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự; các điểm b, g, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự để xem xét khi định tội danh và cân nhắc khi lượng hình.

Trợ giúp viên pháp lý đề nghị HĐXX: Áp dụng xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung và cho hưởng án treo đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” thay vì tội “cướp tài sản” bị truy tố theo cáo trạng của Viện kiểm sát.

Quyết định của Tòa án:

Tòa nhận định: xét về hành vi phạm tội của bị cáo B.V.N và K thì cho thấy, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, hai bị cáo đều khai nhận đã có hành vi phạm tội của mình. Ý kiến của người bào chữa trùng với ý kiến của bị cáo, nên người bào chữa và bị cáo không chấp nhận với quyết định của Viện kiểm sát về tội cướp tài sản mà chỉ chấp thuận tội danh cưỡng đoạt tài sản.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị truy tố hai bị cáo về tội danh nhẹ hơn là tội cưỡng đoạt tài sản phạm vào khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự. HĐXX chấp thuận. Người bào chữa và bị cáo K cũng thừa nhận là có hành vi cùng chung ý chí, cùng chung hành động với bị cáo B.V.N nên đều nhất trí có hành vi phạm tội.

Tòa tuyên bố: bị cáo B.V.N và K phạm tội cưỡng đoạt tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm b, p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo B.V.N 12 (mười hai) tháng tù. Áp dụng khoản

1 Điều 135, điểm b, p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 5, Điều 69, Điều 74, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo K 06 (sáu) tháng tù.

Vai trò của Trợ giúp viên pháp lý:

Trợ giúp viên pháp lý đã bào chữa cho bị cáo B.V.N là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị buộc tội và là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn trong vụ án “Cướp tài sản”.

Trợ giúp viên pháp lý nghiên cứu kỹ quy định của Bộ luật hình sự về các yếu tố cấu thành “Tội cướp tài sản” và “Tội cưỡng đoạt tài sản” nghiên cứu, phân tích kỹ hồ sơ vụ việc, hành vi, mục đích, dấu hiệu phạm tội... để có thể nghiên cứu, áp dụng trong vụ việc trợ giúp pháp lý được giao.

Trên cơ sở hồ sơ vụ việc và quy định của pháp luật, trợ giúp viên pháp lý đã đưa ra những lập luận rõ ràng, thuyết phục về chứng cứ, động cơ, mục đích phạm tội, chứng minh hành vi của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành “Tội cướp tài sản”. Đồng thời, đưa ra những lập luận về tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Kết quả, bị cáo được chuyển tội danh nhẹ hơn, và được chuyển khung hình phạt theo hướng nhẹ hơn so với bản luận tội của Viện Kiểm sát.

Tính hiệu quả:

Tòa tuyên án bị cáo B.V.N và K phạm tội cưỡng đoạt tài sản, xử phạt bị cáo B.V.N 12 (mười hai) tháng tù.

Như vậy, trợ giúp viên pháp lý đã bào chữa thành công cho người được TGPL, giúp người được TGPL được chuyển tội danh từ “Tội cướp tài sản” thành “Tội cưỡng đoạt tài sản” so với bản cáo trạng của Viện kiểm sát và được giảm hình phạt theo hướng nhẹ hơn so với bản luận tội của Viện Kiểm sát (từ 14 tháng đến 18 tháng theo đề nghị của Viện kiểm sát xuống còn 12 tháng). Quan trọng là

Trợ giúp viên pháp lý đã bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của người dưới 18 tuổi bị buộc tội; giúp vụ án được giải quyết một cách công bằng, đúng pháp luật.

Quy định của pháp luật liên quan đến vụ việc: khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 135, điểm b, p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khái quát nội dung kinh nghiệm rút ra từ vụ việc:

Tội cướp tài sản và Tội cưỡng đoạt tài sản có nhiều điểm tương đồng, khác biệt lớn nhất là về hành vi khách quan. Mức độ nguy hiểm, khung hình phạt của “Tội cướp tài sản” thấp hơn “Tội cưỡng đoạt tài sản”. Do vậy, khi xem xét vụ án “cướp tài sản” cần phân tích, làm rõ mục đích, ý định phạm tội ban đầu và hành vi của bị cáo trong quá trình phạm tội. Đây là yếu tố rất quan trọng để giúp cho việc định tội. Ngoài ra tình tiết giảm nhẹ cũng rất quan trọng giúp cho bị cáo được giảm hình phạt.

2.2. Thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trong vụ án “tranh chấp quyền sử dụng đất”

Lĩnh vực TGPL: tổ tụng dân sự

Người được TGPL: N.Đ.T

Thuộc diện được TGPL: người thuộc hộ nghèo

Người thực hiện TGPL: Trợ giúp viên pháp lý

Nguồn vụ việc: Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Đ.B

Tiêu chí: thực hiện trợ giúp pháp lý cho nguyên đơn mà quan điểm bảo vệ của người thực hiện trợ giúp pháp lý được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện (Tiêu chí 22)

Từ khóa: “tranh chấp quyền sử dụng đất”; “chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn”

Nội dung vụ việc:

Năm 1982, vợ chồng ông N.Đ.T khai hoang là đất vườn đồi lâm nghiệp, nay là khu đô thị TT thuộc tổ 22, phường H, thành phố ĐBP. Khi khai hoang đất đồi, việc xác định mốc giới thửa đất với các hộ xung quanh là do các gia đình tự trồng hàng rào bằng cây để xác định diện tích đất của mình, ông N.Đ.T cũng tự trồng hàng rào mốc giới bằng dứa và sắn để xác định diện tích.

Từ năm 1982 đến năm 1987, gia đình ông N.Đ.T trực tiếp sử dụng, trồng cây cối trên diện tích đất nhưng không đo đạc diện tích cụ thể. Năm 1988, gia đình ông N.Đ.T chuyển chỗ ở về phường T, thành phố ĐBP để sinh sống nên có nhờ mẹ là bà T4 (mẹ vợ) trông nom hộ và đến năm 1990, ông C1 (em trai vợ) kết hôn với bà T1 và về ở cùng thì ông N.Đ.T tiếp tục nhờ bà T4, vợ chồng C1.T1 trông coi, quản lý, sử dụng và canh tác. Từ năm 1982 đến năm 2012, gia đình ông T chưa làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và nộp thuế cho nhà nước

đôi với diện tích đất đòi khai hoang. Đến năm 2013, khi bà T4 bị ốm, vợ chồng ông bà C1.T1 ly hôn thì vợ chồng ông T mới lấy lại mảnh đất nêu trên.

Năm 2013, khi nhà nước tiến hành đo đạc, xác định mốc giới, kiểm đến đất đòi lâm nghiệp (để làm khu đô thị nhà ở TT như hiện nay) thì gia đình ông T không được ai thông báo nên không biết. Đến tháng 7/2013, ông N.Đ.T được tiếp cận với tờ bản đồ số 31 năm 2013 thể hiện diện tích đất thu hồi của các hộ gia đình để thực hiện dự án khu đô thị nhà ở TT, ông N.Đ.T đã phát hiện ra cơ quan đo đạc đã tiến hành xác định mốc giới và kiểm đếm diện tích đất đòi của gia đình ông N.Đ.T vào diện tích đất của ông Vũ V. Ông N.Đ.T đã khiếu nại và cùng các cơ quan chức năng, ông Vũ V, bà T4 lên xác định mốc giới, đo đạc lại diện tích đất của gia đình ông N.Đ.T đang quản lý. Tại thời điểm tiến hành đo đạc thì diện tích đất vẫn đang được giữ nguyên hiện trạng và đòi, mốc giới giữa các hộ gia đình vẫn còn, chưa bị san ủi.

Căn cứ vào kết quả đo đạc, gia đình ông N.Đ.T mới biết tổng diện tích đất mà gia đình ông khai hoang là 620,7m² (mang tên bà T4) thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 29 năm 2014. Diện tích đất bị nhà nước thu hồi là 247,1m² và còn lại là 373,6m². Cơ quan nhà nước đã công khai kết quả đo đạc, các hộ dân đều không có khiếu nại gì.

Gia đình ông N.Đ.T đã thống nhất ông N.Đ.T là người đại diện gia đình nhận tiền đền bù và bàn giao diện tích đất bị thu hồi cho nhà nước, diện tích đất còn lại thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông N.Đ.T. Việc gia đình ông N.Đ.T có đất khai hoang được nhiều người làm chứng. Tứ cận, giáp ranh của thửa đất sự thay đổi so với khi khai hoang vì: ông Vũ V đã mua diện tích đất đòi của ông bà CP1 và một phần đất đòi của gia đình ông N.Đ.T, nên đất đòi của nhà ông N.Đ.T mới có vị trí tiếp giáp với ông Vũ V. Việc mua bán giữa các bên không có giấy tờ gì với nhau.

Năm 2017, gia đình bà Nguyễn Đ đã tự ý rào lại phần đất đồi mà gia đình ông N.Đ.T đang sử dụng, bà Đ cho rằng đó là diện tích đất của gia đình bà Đ. Ông N.Đ.T đã làm đơn khiếu nại lên UBND thành phố ĐBP để giải quyết tranh chấp giữa gia đình ông N.Đ.T và gia đình bà Đ. Tuy nhiên Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố giải quyết cho rằng mảnh đất đang có tranh chấp đó là đất của gia đình bà Đ. Ông N.Đ.T làm đơn khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố lên UBND tỉnh ĐB và được hướng dẫn đến tòa án để làm thủ tục yêu cầu giải quyết tranh chấp. Vì vậy, ông N.Đ.T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Đ trả cho ông diện tích đất đồi là 373,6m².

Ông N.Đ.T thuộc hộ nghèo nên có yêu cầu TGPL tại Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh Đ.B, và Trung tâm đã cử Luật sư N thụ lý tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N.Đ.T.

Bản án dân sự sơ thẩm ngày 19/8/2020 của TAND thành phố ĐBP bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.Đ.T về việc yêu cầu bà Đ trả lại gia đình ông 306 m² đất (Do trong quá trình tòa thụ lý phần diện tích 373,6 m² theo hiện trạng thực tế chỉ còn 306 m²). Ông N.Đ.T nhất trí với kết quả thẩm định lại thửa đất của Tòa án và sửa yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Đ phải trả cho ông N.Đ.T thửa đất có 306m².

Về phía bị đơn: năm 1981, gia đình bà Nguyễn Đ chuyển về lâm trường sinh sống và khai hoang đất. Gia đình bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận thửa đất có diện tích 2,24ha thuộc lô số 1.1. Sau đó, diện tích đất này được nhà nước thu hồi một phần để thực hiện khu đô thị TT. Gia đình bà Nguyễn Đ cho rằng ông N.Đ.T đã tự kê khai 620,7m² của gia đình bà Đ trong lô số 1.1 có diện tích đất 0,24ha là đất của ông N.Đ.T, sau đó nhà nước đã thu hồi 247,1m² và trả tiền đền bù giải tỏa cho ông N.Đ.T. Vì vậy, bà Đ không đồng ý trả lại cho ông

N.Đ.T 306m² đất vì diện tích đất đang tranh chấp nằm trong diện tích đất gia đình bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1996.

Phiên tòa phúc thẩm:

TAND tỉnh ĐB đã thu thập lại chứng cứ, tiến hành đối chất để làm rõ các mâu thuẫn trong lời khai và tài liệu chứng cứ, trên cơ sở đó tiến hành hòa giải nhưng không thành. Đồng thời, TAND cũng đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung với sự tham gia của các đương sự và Hạt kiểm lâm để xác định hệ tọa độ đất tranh chấp trên bản đồ quản lý rừng. Căn cứ vào bản xác định tọa độ, đối chiếu với Bản đồ quản lý rừng, Hạt kiểm lâm thành phố ĐB đã ban hành báo cáo có nội dung không xác định được diện tích đất tranh chấp có nằm trong Giấy chứng nhận số 69 của gia đình bà Đ hay không.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên yêu cầu của mình. Trợ giúp viên pháp lý đề nghị HĐXX sửa toàn bộ bản án sơ thẩm: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình ông N.Đ.T, buộc bà Đ phải trả cho ông N.Đ.T 306m², mảnh đất có cá vụ trí tiếp giáp như sau: một mặt giáp khu dân cư (tiếp giáp với đất của bà H2 và anh T10); một mặt giáp với đất của ông Vũ V, một mặt giáp với diện tích đất chưa được quy chủ là đất đồi của bà X1, một mặt giáp đường thu hồi dự án xây dựng nhà ở TT. Sau khi kết thúc tranh luận và đối đáp, đại diện VKSND tỉnh ĐB có ý kiến trùng với với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, theo hướng đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Đ phải trả cho ông N.Đ.T diện tích đất đang tranh chấp.

Ngày 09/8/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đ.B mở phiên tòa phúc thẩm. Quyết định sửa bản án DSST ngày 19/8/2020 của TAND thành phố ĐBP và chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông N.Đ.T, buộc bà Đ phải trả lại gia đình ông N.Đ.T 306 m² đất tại tổ dân phố 22, phường H, khu đô thị TT.

Lập luận của Trợ giúp viên pháp lý:

Thứ nhất: Về nguồn gốc đất của ông N.Đ.T

Thửa đất mà ông N.Đ.T đang đề nghị giải quyết là do vợ chồng ông khai hoang từ năm 1982, mặc dù chưa đăng ký vào hồ sơ địa chính nhưng việc khai hoang và sử dụng là có thật được rất nhiều người làm chứng cùng thời điểm như ông Đ, P1, P2, T1, S.

Theo bản chính lý trích lục địa chính số 29 năm 2014 thì đất của gia đình ông là thửa số 51 được chỉnh lý thửa đất số 7,8,50 thành thửa 7,8,50,51 (theo quyết định thu hồi đất số 1199/QĐ-UBND, ngày 12/12/2013 của UBND thành phố ĐB) có diện tích 620,7m² mang tên chủ sử dụng đất là T.T.T (mẹ vợ). Ngày 12/12/ 2013, Ủy ban nhân dân thành phố đã ra quyết định thu hồi số 1199/QĐ-UBND với diện tích 247,1m² để xây dựng khu nhà ở T, số diện tích còn lại sau thu hồi là 373,6m² gia đình ông tiếp tục canh tác trồng cây trên đất. Tại quyết định thu hồi số 1199/QĐ-UBND, ngày 12/12/2013 của UBND thành phố Đ đã thể hiện rõ: tại trang 2 điều 1 quyết định 1199 có ghi: “diện tích thu hồi thuộc thửa số 51, bản trích lục, trích đo địa chính số 31 năm 2013 (chỉnh lý thửa đất số 7,8,50 thành thửa 7,8,51) do trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường thực hiện.

Tại bản tổng hợp diện tích từng chủ sử dụng đất có chữ ký và con dấu của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố ĐBP, UBND phường H cũng đã xác định: chủ sử dụng là T.T.T; tổng diện tích đo đạc là 820.7m²; diện tích thu hồi 247,1m², là đất RDT; thửa số 51, tờ bản đồ số 1.

Trong quá trình kiểm đếm, kê khai, đo đạc diện tích đất cho nhà ông N.Đ.T, bà X1, ông Vũ V đã ký xác nhận trong bản trích đó, bà Nguyễn Đ không có ý kiến khiếu nại, thắc mắc gì. Việc UBND thành phố ban hành quyết định thu hồi đất của gia đình ông N.Đ.T và sau đó gia đình ông N.Đ.T đã được nhận tiền

bồi thường theo quy định cũng không bị cơ quan, cá nhân nào khiếu nại, thắc mắc.

Đây hoàn toàn là các tài liệu do cơ quan Nhà nước ban hành nên đây là các tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 điều 92 BLTTDS năm 2015.

Thứ hai: Về nguồn gốc đất của gia đình bà Nguyễn Đ:

Gia đình bà có xuất trình 01 giấy chứng nhận quyền bảo vệ rừng và sử dụng đất rừng ngày 30/9/1996 với diện tích 0,24ha có vị trí tại lô 1.1, khoảnh 2, tiểu khu 717 (GCN số 69).

Tuy nhiên theo lời khai của các nhân chứng và đại diện Hạt kiểm lâm cho thấy việc mô tả vị trí tứ cận trong GCN số 69 chỉ mang tính ước lệ, không chính xác và không phù hợp thực tế sử dụng đất của gia đình bà Đ tại thời điểm kê khai và cấp GCN số 69 năm 1996.

Tuy nhiên qua đối chiếu lời khai của các nhân chứng, tài liệu đo đạc địa chính thửa đất thể hiện đất gia đình bà Đ thuộc thửa số 10 tờ trích lục bản đồ số 29 có phía bắc tiếp giáp liền kề với đất ở của gia đình bà Đ trước đây.

Sau khi xem xét giấy chứng nhận quyền bảo vệ rừng và sử dụng đất rừng ngày 30/9/1996 của bà Đ thấy rằng: diện tích đất bà được Nhà nước giao là 0,24ha; năm 2013, gia đình bà cũng bị Nhà nước thu hồi đất như trường hợp gia đình ông N.Đ.T. Tại biên bản kiểm tra xác minh nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền thì diện tích hiện trạng của bà Đ là 2.983,4m² (vượt quá diện tích được giao là 583,4m²). Gia đình bà bị thu hồi 2.152,6m² là đất Lâm nghiệp và diện tích còn lại là 830,8m² thuộc thửa số 10, bản đồ trích lục, trích đo địa chính số 31 năm 2013. Hiện nay gia đình bà vẫn đang quản lý số diện tích này. Theo bản đồ địa chính lập năm 2013 thì đất của bà Đ giáp đất của bà S chứ không hề giáp đất của gia đình ông N.Đ.T.

Tài liệu tham khảo

Thứ tư là: Việc UBND thành phố trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông N.Đ.T và bà Đ đã ban hành công văn số 699 và quyết định giải quyết khiếu nại số 1312 khẳng định đất đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền bảo vệ rừng và sử dụng đất rừng số 69, ngày 30/9/1996 mang tên bà Đ là không có căn cứ, mâu thuẫn với chính quyết định thu hồi mà mình đã ban hành. Xuất phát từ các văn bản hành chính này là nguyên nhân dẫn đến tranh chấp xâm phạm đến quyền lợi của ông N.Đ.T. Tại Quyết định thu hồi số 1199, ngày 12/12/2013 của UBND thành phố có nội dung thể hiện: trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 20/6/2013, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 21/6/2013 và hồ sơ xác minh nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình thuộc phạm vi đất phải thu hồi – đây là một trong các căn cứ để xác định đất thu hồi; có kết quả đo đạc, chỉnh lý địa chính; có bảng tổng hợp diện tích từng chủ sử dụng đất. Đây chính là căn cứ để xác định bà Đ chỉ có vị trí đất đã bị thu hồi còn lại 830,8m² đang quản lý không phải là vị trí đất của gia đình ông N.Đ.T.

Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu này của ông N.Đ.T đó là: công nhận diện tích đất 306m² thuộc thửa số thửa 51, bản chỉnh lý, trích lục địa chính số 29 năm 2014 và theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Đ, mảnh trích đo địa chính số 1303 – 2019, ngày 26/12/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ. Buộc bà Đ phải trả lại cho gia đình ông N.Đ.T diện tích đất 306m² thuộc thửa số thửa 51, bản chỉnh lý, trích lục địa chính số 29 năm 2014. Vị trí thửa đất theo biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Đ.B, mảnh trích đo địa chính số 1303 – 2019, ngày 26/12/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ.B có các vị trí tiếp giáp như sau: phía bắc giáp hộ bà H1, hộ ông T2; phía đông giáp hộ ông V; phía tây Giáp chủ sử dụng đất liền kề chưa được quy chủ theo bản đồ địa chính chính quy đo vẽ năm 2010; phía nam giáp đường thu hồi dự án xây dựng khu nhà ở T.T.

Vai trò của Trợ giúp viên pháp lý:

Trong vụ án này, Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL là người thuộc hộ nghèo, là nguyên đơn trong vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Trợ giúp viên pháp lý đã nghiên cứu kỹ một số nội dung cần được củng cố chắc chắn trong quá trình nghiên cứu hồ sơ: (1) Kiểm tra lại quan hệ pháp luật có tranh chấp; (2) Kiểm tra lại các vấn đề liên quan đến thủ tục tố tụng, như: (i) Kiểm tra tính hợp lệ trong việc thụ lý của Tòa án; (ii) Thẩm quyền giải quyết của Tòa án; (iii) Thời hiệu khởi kiện; (iv) Người có quyền khởi kiện; hoà giải; (3) Làm rõ nội dung tranh chấp; (4) Nghiên cứu và đánh giá chứng cứ.

Trợ giúp viên pháp lý đã khai thác các tài liệu, chứng cứ xác định nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp; những giấy tờ về quyền sử dụng đất mà các đương sự cung cấp cho Tòa án; các tài liệu về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng; hồ sơ quản lý đất đai của chính quyền địa phương; các tài liệu, chứng cứ khác; Tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc đất; Tài liệu, chứng cứ về quá trình sử dụng... Từ các chứng cứ trên, Trợ giúp viên pháp lý đã giúp ông N.Đ.T là nguyên đơn kháng cáo thành công và được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông N.Đ.T, buộc bà Đ phải trả lại gia đình ông N.Đ.T 306 m² đất tại tổ dân phố 22, phường H, khu đô thị TT.

Tính hiệu quả

Ngày 09/8/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đ.B mở phiên tòa phúc thẩm. Quyết định sửa bản án DSST ngày 19/8/2020 của TAND thành phố ĐBP và chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông N.Đ.T, buộc bà Đ phải trả lại gia đình ông N.Đ.T 306 m² đất tại tổ dân phố 22, phường H, khu đô thị TT.

Như vậy, quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý thực hiện TGPL cho nguyên đơn được cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận theo hướng chấp nhận kháng cáo

Tài liệu tham khảo

của nguyên đơn. Trợ giúp viên pháp lý đã giúp ông N.Đ.T bảo vệ được quyền sử dụng đất của mình.

Quy định của pháp luật liên quan đến vụ việc: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 179, Điều 203 Luật Đất đai 2013.

Khái quát nội dung kinh nghiệm rút ra từ vụ việc:

Chứng cứ trong vụ án tranh chấp đất đai là tài liệu hết sức quan trọng nhằm làm sáng tỏ vụ án, đảm bảo sự khách quan và công bằng trong xét xử. Đối với vấn đề giải quyết tranh chấp đất đai thì các tài liệu, chứng cứ chứng minh phải liên quan đến (i) Nguồn gốc tạo lập đất; (ii) Giấy tờ về quyền sử dụng đất; (iii) Quá trình sử dụng và hiện trạng sử dụng đất. Vì vậy đã đưa ra và chứng cứ làm cơ sở giải quyết tranh chấp đất nhằm xác định hiện trạng sử dụng đất; vị trí, kích thước, hình dạng thửa đất tranh chấp; tình trạng thửa đất.

MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 2013;
2. Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;
3. Bộ luật Hình sự năm 2015 và Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017;
4. Bộ luật Dân sự năm 2015;
5. Luật Hành chính năm 2015;
6. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
7. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
8. Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015;
9. Luật Hôn nhân gia đình 2014;
10. Luật Đất đai 2013;
11. Quyết định 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công...